



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

“Luôn luôn đồng hành - Luôn luôn sẻ chia”



www.tncm.com.vn



MỤC LỤC

Phân

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Phân

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Phân

3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Phân

4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phân

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Phân

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2024

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

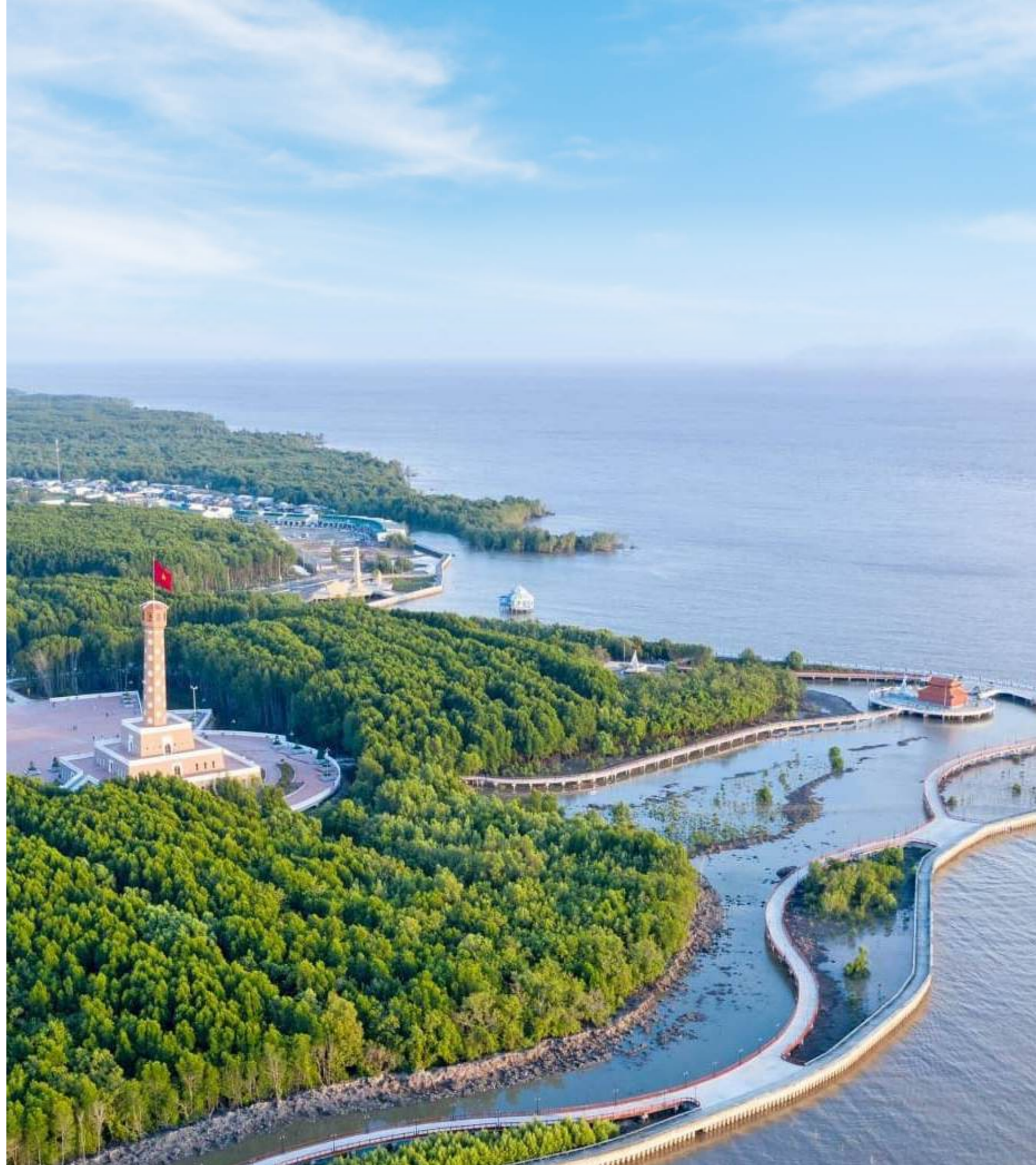
Quản trị rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



Tên tiếng Anh	CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	CAMEX
Mã cổ phiếu	CMV
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	2000110221 (số cũ 6103000105) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần 19 ngày 03/07/2023.
Vốn điều lệ	181.558.680.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	181.558.680.000 đồng
Địa chỉ	Số 70 -72 Đường Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
Số điện thoại	(0290) 3 822 772 - 3 839 220
Số fax	(0290) 3 834 358
Website	www.tncm.com.vn



Quá trình hình thành và phát triển

GIAI ĐOẠN 1980 - 2012

1980

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau hoạt động từ năm 1980

1987 - 1996

Công ty tiếp nhận thêm 5 doanh nghiệp Nhà nước gồm có Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (tháng 04/1987), Công ty Xuất nhập khẩu thị xã (tháng 02/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (tháng 04/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (tháng 08/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh Truyền hình Minh Hải (tháng 06/1996), nhằm có thể mở rộng quy mô và thị phần.

1992

Ngày 10/10/1992, Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 2,51 tỷ đồng.

2007

Thực hiện theo chủ trương cổ phần hóa của UBND tỉnh Cà Mau, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình CTCP với vốn điều lệ 70 tỷ đồng

2009

Công ty thực hiện phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên, qua đó tăng mức vốn điều lệ lên 80,499 tỷ đồng.

2010

Ngày 21/06/2010, Cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được niêm yết và chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là CMV.

2011 - 2012

Vốn điều lệ công ty được tăng từ 80,499 tỷ đồng lên 121.039 tỷ đồng thông qua:

Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu (2011)

Phát hành ESOP cho cán bộ công nhân viên với tỷ lệ 5% (2011)

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8% (2012)

“Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn sẻ chia”

THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TT)

Quá trình hình thành và phát triển

GIAI ĐOẠN 2017-NAY

2017

Ngày 19/10/2017, SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty.

2020

Ngày 31/12/2020 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

2018

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng mua 25% cổ phần và trở thành cổ đông lớn nhất của CMV.

“Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn sẻ chia”

2021

Ngày 31/03/2021, chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang chính thức bị giải thể theo Nghị quyết số 04/2021/ NQ-HĐQT. Ngày 29/06/2021, Công ty chính thức chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, giúp cho vốn điều lệ tăng lên 181,559 tỷ đồng

2022

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết sáp nhập với Công ty TNHH MTV Bách Việt.

2023

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua bầu cử thành công nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2023 - 2027)

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



» **2005 - 2010:** Nhận được Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007. Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua. Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010. Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam). Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).

» **2010 - 2015:** Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam). Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013. Ngày 27/01/2014, Hội khuyến học TP. Cà Mau tặng Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau giấy khen vì đơn vị đã nhiều năm liền hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau. Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013. Bằng khen Số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cà Mau (1999 - 2014). Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì). Quyết định số 43/QĐ-BHXXH ngày 15/01/2015 của BHXXH Việt Nam về thành tích "Thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014". Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014"

» **2015 - 2020:** Công ty được xếp hạng nằm trong TCP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TCP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành. Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018. Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018. Quyết định của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc Vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2009 - 2019

» **2021:** Công ty xếp hạng 294 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021 và xếp hạng 156 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.

» **06/2023:** TOP 364 IR AWARDS Doanh nghiệp niêm yết đạt Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Địa bàn kinh doanh

Công ty tập trung hoạt động chính tại Cà Mau, đặc biệt là thành phố Cà Mau, trung tâm kinh tế và văn hóa của tỉnh

Bên cạnh đó, công ty cũng mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Hiện tại, công ty có 5 chi nhánh chính trải đều khắp các huyện, thành phố thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang và Sóc Trăng.

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.



Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 70 -72 Đường Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ
1. Bạc Liêu	Số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
2. Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
3. TP. Hồ Chí Minh	Số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, TP Hồ Chí Minh.
4. Kiên Giang	Lô H14, số 11+12+13+14+15+16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
5. Năm Căn	Số 607, đường Nguyễn Tất Thành, Khóm Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn.

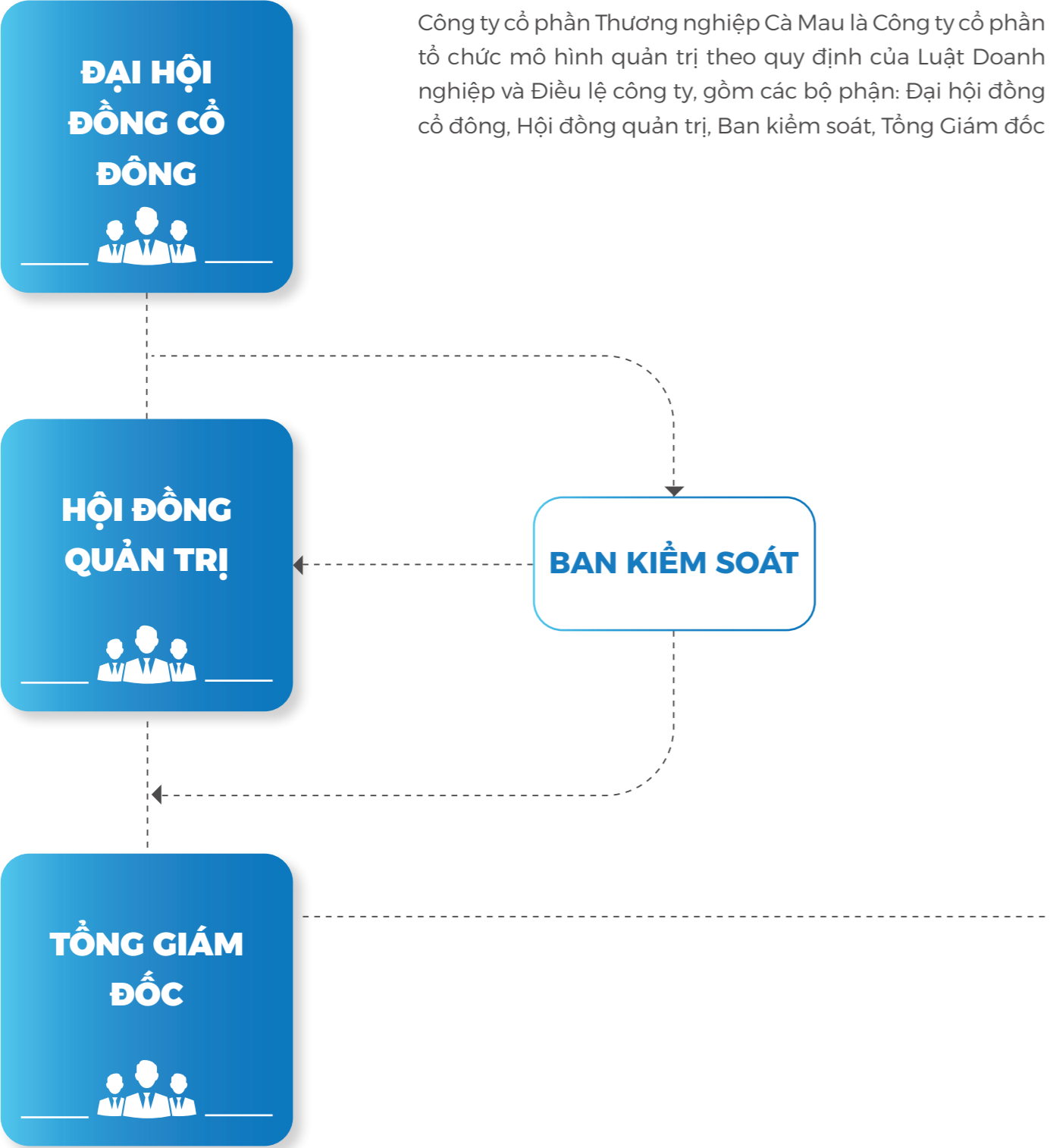
Ngành nghề kinh doanh



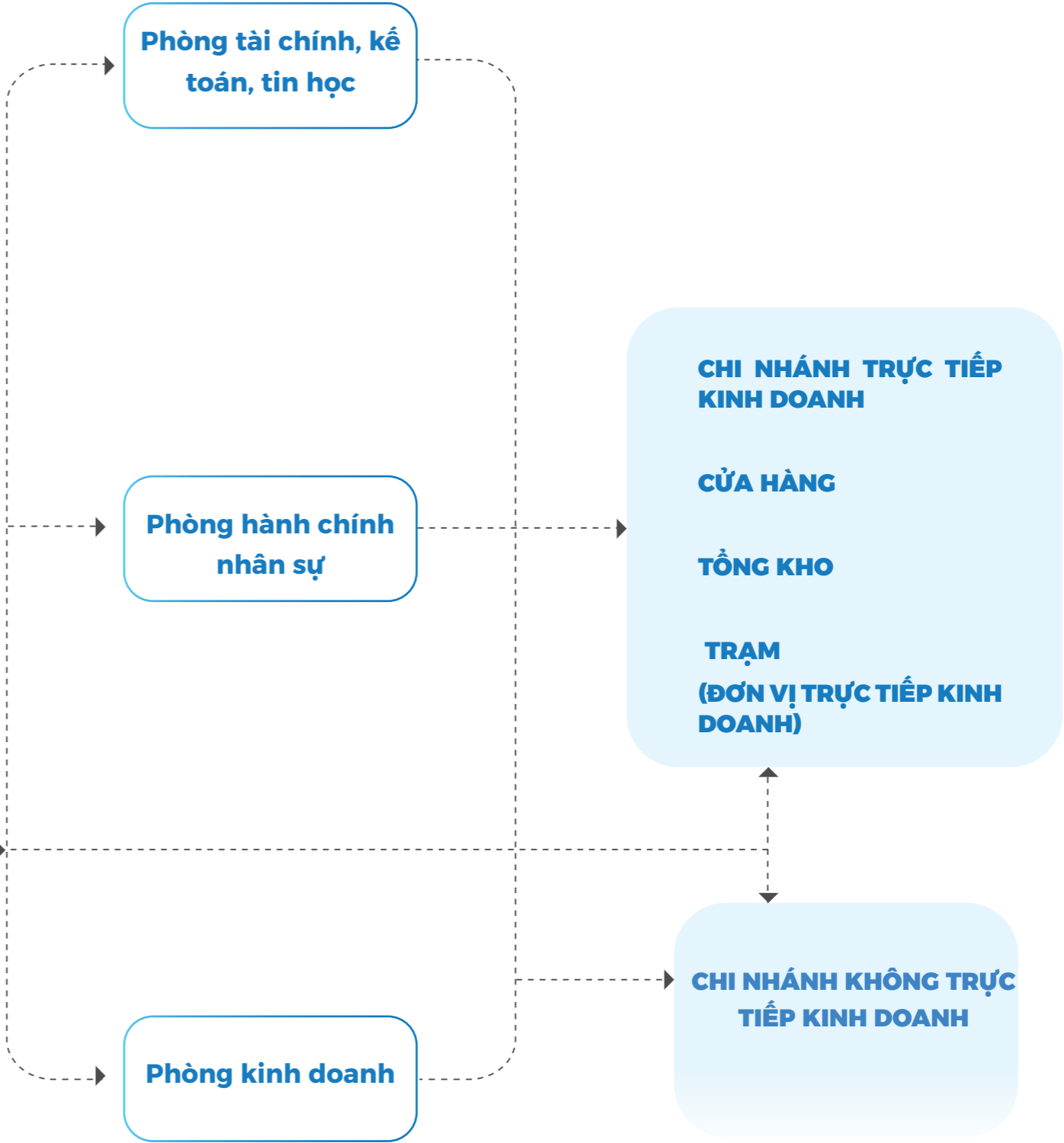
- » Bán buôn xăng, dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình gas (Chính)
- » Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng
- » Bán buôn rượu, bia, nước giải khát và hàng công nghệ thực phẩm
- » Bán buôn hóa mỹ phẩm, xà phòng và chất tẩy rửa các loại
- » Bán buôn thuốc lá điều các loại
- » Bán buôn hàng kim khí điện máy; các mặt hàng gia dụng; xe gắn máy và phụ tùng xe gắn máy; máy và phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy
- » Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- » Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông
- » Bán buôn vải hàng may sẵn, hàng may mặc giày dép, hàng da và giả da
- » Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình
- » Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- » Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
- » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



“Luôn luôn đồng hành
Luôn luôn sẻ chia”



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Bộ máy quản lý



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề trọng yếu trong Công ty và có quyền quyết định bộ máy tổ chức quản lý theo đúng với Điều lệ của Công ty và nằm trong khuôn khổ pháp luật. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông còn có thể thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để quyết định cơ cấu vốn và định hướng trong tương lai cho Công ty.



Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm có nhiệm vụ quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, đồng thời cũng chịu sự giám sát của HĐQT. Tổng giám đốc điều hành quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao; trong khi các Phó Tổng giám đốc sẽ hỗ trợ Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc.



Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty được ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền đại diện công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó và ủy quyền, cũng như phải chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề về quản lý và pháp lý của Công ty theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Một nhiệm kỳ của của thành viên HĐQT là 5 năm và tổng số thành viên HĐQT độc lập, không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.



Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, được bầu ra bởi Đại hội đồng cổ đông để giám sát các hoạt động Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông với các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát là kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và sự cẩn trọng trong điều hành hoạt động kinh doanh, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát có 03 thành viên, Trưởng ban Kiểm soát làm việc chuyên trách.

“Luôn luôn đồng hành

Luôn luôn sẻ chia”



Phòng tài chính - kế toán - tin học

Phòng tài chính - kế toán - tin học sẽ phụ trách về lĩnh vực tài chính, kế toán, tin học và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc; đồng thời tham mưu cho Tổng giám đốc về việc tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và nguồn vốn đúng quy định; thực hiện kiểm tra và kiểm soát nội bộ về hàng hóa, tiền, tài sản, công nợ, chi phí phát sinh,... Đồng thời, Công ty cũng sẽ quản lý dữ liệu, lưu trữ hồ sơ, quyết toán và báo cáo định kỳ theo qui định của pháp luật



Phòng hành chính - nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, tuyển dụng và sắp xếp nhân sự; xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động, đồng thời đánh giá hiệu quả công việc của người lao động để từ đó ước tính mức lương, thưởng; thực hiện công tác quản trị văn phòng, công tác hồ sơ thủ tục pháp lý cho Công ty và các đơn vị trực thuộc hoạt động theo đúng qui định



Phòng kinh doanh

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Tổng giám đốc Công ty về việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; xây dựng chính sách bán hàng, khai thác nguồn hàng, quan hệ đối tác, soạn thảo văn bản, lập hợp đồng mua bán với đối tác; tổ chức công tác giao nhận hàng hóa an toàn, tiết kiệm, đúng quy định.



Đơn vị trực tiếp kinh doanh

Các đơn vị này thực hiện đúng qui định của Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng về tổ chức hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ kế toán, công tác quản lý, quản trị về nhân sự, hàng hóa, tài sản, vật chất, trang thiết bị, công nợ và tiền; có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo nhân sự, đề xuất công việc của từng nhân sự tại đơn vị cho phù hợp năng lực; quản lý, lưu trữ hóa đơn, chứng từ, sổ sách theo đúng qui định.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty CP In Bạc Liêu

1. **Địa chỉ:** Số 160, Hoàng Văn Thụ, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
2. **Ngành nghề kinh doanh:** In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và Nhà nước; in báo chí tập san.
3. **Vốn điều lệ:** 5.859.618.500 đồng
4. **Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 55% trên vốn điều lệ

Công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

01

Song song với việc cải thiện hệ thống hiện hữu, Công ty chủ động tìm kiếm cơ hội mở rộng thông qua các hình thức linh hoạt như thuê mặt bằng dài hạn, đầu tư xây dựng cửa hàng tại các địa điểm chiến lược hoặc hợp tác đầu tư với các đối tác uy tín. Quá trình mở rộng cần được thực hiện dựa trên kế hoạch sử dụng vốn chặt chẽ, ưu tiên các dự án mang lại hiệu quả cao và bền vững, đảm bảo cân đối giữa tốc độ phát triển và khả năng quản lý nguồn lực.

Trong năm 2024 và các năm tiếp theo, mục tiêu chính của Công ty là tăng cường doanh thu từ hệ thống cửa hàng hiện hữu và mở rộng mạng lưới bán lẻ. Để đạt được điều này, Công ty tập trung cải thiện hiệu quả kinh doanh tại các cửa hàng hiện có thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa trưng bày sản phẩm và triển khai các chương trình khuyến mãi phù hợp. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu sẽ giúp Công ty nắm bắt xu hướng tiêu dùng, từ đó cải thiện trải nghiệm khách hàng một cách toàn diện.

02

03

Đối với những đơn vị hoặc cửa hàng hoạt động kém hiệu quả, Công ty sẽ tiến hành rà soát kỹ lưỡng, từ đó áp dụng các biện pháp cải tổ phù hợp như tái cấu trúc hoạt động, thay đổi mô hình kinh doanh hoặc, nếu cần thiết, xem xét đóng cửa để tối ưu hóa nguồn lực. Mục tiêu là từng bước chuyển đổi các cửa hàng từ trạng thái kém hiệu quả sang hoạt động ổn định và có khả năng sinh lời.

Ngoài ra, Công ty sẽ tăng cường giám sát và đánh giá hiệu quả vận hành thông qua hệ thống theo dõi chỉ số kinh doanh định kỳ, đồng thời đào tạo đội ngũ quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng. Với cách tiếp cận đồng bộ này, Công ty hướng đến việc vừa mở rộng quy mô, vừa đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động trong dài hạn.

04

Công ty con

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển

Lĩnh vực xăng dầu

Duy trì thị phần bán buôn và mở rộng mạng lưới bán lẻ tiếp tục là mục tiêu cốt lõi trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Để thực hiện điều này, Công ty sẽ tập trung mở rộng mạng lưới bán lẻ thông qua việc tăng số lượng cửa hàng và đại lý, từ đó tiếp cận nhiều khách hàng hơn và gia tăng doanh số bán hàng. Trước nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ngày càng tăng, đặc biệt tại các tỉnh, Công ty đặt mục tiêu mở thêm các trạm xăng mới mỗi năm, đồng thời phát triển mạng lưới đại lý bán lẻ tại các khu vực vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu địa phương và củng cố vị thế của Công ty trên thị trường.

Kinh doanh bán lẻ

Công ty xác định mở rộng thị trường và nâng cao uy tín là hai mục tiêu chiến lược hàng đầu. Trong kế hoạch mở rộng thị trường, Công ty sẽ xây dựng thêm chi nhánh và đại lý tại các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, giúp tiếp cận nhiều khách hàng tiềm năng hơn và tăng trưởng doanh thu. Đồng thời, Công ty sẽ hợp tác với các nhà sản xuất uy tín để phân phối sản phẩm tại khu vực Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường địa phương.

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

MÔI TRƯỜNG

Công ty cam kết giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc:

- » Tổ chức các chương trình đào tạo quản lý môi trường cho nhân viên.
- » Ban hành và thực thi các chính sách kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
- » Liên tục cập nhật và hoàn thiện các quy định, chế tài về bảo vệ môi trường, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Tại CMV, phát triển bền vững không chỉ đơn thuần là một mục tiêu chiến lược mà đã trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Ban lãnh đạo công ty tin rằng, thành công thực sự không chỉ nằm ở con số lợi nhuận mà còn ở trách nhiệm đóng góp cho xã hội và cộng đồng.

CMV luôn nỗ lực tạo dựng một môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện và đầy tính sáng tạo. Các hoạt động team-building, workshop chia sẻ kiến thức và kỹ năng, cũng như các chương trình văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên. Đây không chỉ là cơ hội để gắn kết tập thể, xây dựng tinh thần đồng đội vững mạnh mà còn tạo điều kiện cho từng cá nhân phát triển toàn diện, phát huy tối đa năng lực và sự sáng tạo.

Bên cạnh đó, CMV cũng tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ các chương trình giáo dục, y tế và phát triển cộng đồng tại địa phương. Công ty mong muốn góp phần mang lại những giá trị tốt đẹp và thiết thực cho xã hội, đồng thời lan tỏa tinh thần trách nhiệm xã hội đến từng thành viên. Đối với CMV, phát triển kinh tế phải luôn đi đôi với phát triển xã hội – đó mới là con đường phát triển bền vững và ý nghĩa nhất.

*“Luôn luôn đồng hành
Luôn luôn sẻ chia”*



QUẢN LÝ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Hoạt động của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chịu ảnh hưởng lớn từ các biến động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng và chính sách sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu của Công ty, từ việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đến sự điều chỉnh giá cả và cơ cấu đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng GDP 7,09%, cao hơn so với năm 2023. Trong bối cảnh kinh tế vừa có nhiều cơ hội, vừa có không ít thách thức, Công ty luôn nỗ lực để thích ứng và phát triển bền vững. Các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đang dẫn dắt sự tăng trưởng này, với tốc độ tăng trưởng lần lượt là 8,24% và 7,38%, đặc biệt trong các ngành du lịch, bán lẻ và sản xuất. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dù chỉ đạt mức tăng trưởng 3,27%, vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế.

Sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam, mặc dù tạo ra nhiều cơ hội phát triển, cũng kéo theo những rủi ro không nhỏ đối với Công ty. Cụ thể, việc tăng trưởng của các ngành như bán lẻ và du lịch có thể đẩy giá thành các sản phẩm thiết yếu lên cao, khiến cho Công ty phải đối mặt với sự gia tăng chi phí đầu vào. Ngoài ra, các chính sách sử dụng nhiên liệu và các yếu tố liên quan đến giá xăng dầu, vốn là những yếu tố đầu vào quan trọng của Công ty, cũng dễ bị ảnh hưởng bởi biến động giá năng lượng toàn cầu và các yếu tố kinh tế vĩ mô quốc tế.



RỦI RO LẠM PHÁT

Lạm phát là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải đối mặt trong hoạt động kinh doanh bán lẻ bách hóa và phân phối xăng dầu, hai ngành có mối quan hệ chặt chẽ với biến động giá cả trên thị trường. Khi lạm phát gia tăng, giá thành của các sản phẩm thiết yếu và xăng dầu cũng tăng lên, khiến chi phí sinh hoạt của người tiêu dùng trở nên đắt đỏ hơn. Điều này không chỉ làm giảm sức mua mà còn gia tăng áp lực cạnh tranh về giá giữa các doanh nghiệp trong ngành. Ngược lại, việc tăng giá bán của các sản phẩm thiết yếu và xăng dầu – hai nhóm hàng quan trọng trong rổ tính chỉ số giá tiêu dùng (CPI) – cũng góp phần đẩy lạm phát lên cao hơn, tạo nên một vòng luẩn quẩn gây bất lợi cho cả thị trường lẫn doanh nghiệp. Với việc cả hai ngành này là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, Công ty chịu tác động kép từ việc giá nguyên liệu đầu vào tăng cao và sức ép duy trì biên lợi nhuận trong khi vẫn phải đảm bảo khả năng cạnh tranh về giá để thu hút khách hàng.

Giải pháp khắc phục

Để ứng phó với rủi ro này, Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp chủ động như tối ưu hóa chuỗi cung ứng để giảm thiểu chi phí, đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm phụ thuộc vào một nhà cung cấp duy nhất, và tập trung vào các biện pháp cải thiện hiệu quả hoạt động. Đồng thời, Công ty cũng đẩy mạnh nghiên cứu thị trường để dự báo xu hướng lạm phát và điều chỉnh chiến lược giá kịp thời, vừa bảo vệ biên lợi nhuận vừa duy trì sức mua của khách hàng. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty giảm thiểu tác động tiêu cực từ lạm phát mà còn tăng cường khả năng thích ứng với các biến động kinh tế trong tương lai.



RỦI RO LÃI SUẤT

Trong năm 2024, nhờ các chính sách hỗ trợ từ Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ, mặt bằng lãi suất được duy trì ở mức thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp. Tuy nhiên, lãi suất vẫn là một trong những rủi ro lớn đối với ngành bán lẻ, vốn có đặc thù vòng quay hàng tồn kho cao, đòi hỏi doanh nghiệp phải duy trì lượng vốn lưu động lớn và ổn định thể hiện qua các khoản vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ của Công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu tài trợ cho việc mua sắm và dự trữ hàng hóa.

Giải pháp khắc phục

Việc lãi suất tăng hoặc biến động bất ngờ có thể làm gia tăng đáng kể chi phí tài chính, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và hiệu quả kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã chủ động làm việc với các ngân hàng và tổ chức tín dụng nhằm tái cơ cấu các khoản vay, tối ưu hóa lãi suất và điều chỉnh kỳ hạn vay phù hợp. Đồng thời, Công ty đã xây dựng chiến lược quản lý tài chính chặt chẽ, bao gồm tối ưu hóa dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

Rủi ro đặc thù ngành



RỦI RO ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA

Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:

Việc kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu tại Việt Nam luôn phải đối mặt với những rủi ro liên quan đến đầu vào và đầu ra, đặc biệt trong bối cảnh thị trường toàn cầu đầy biến động. Hiện nay, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu của Việt Nam đang phụ thuộc lớn vào thị trường quốc tế, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động về giá cả và tình hình chính trị toàn cầu.

Những bất ổn chính trị như xung đột Nga – Ukraine hay căng thẳng ở Trung Đông, nơi tập trung các mỏ dầu và nhà xuất khẩu dầu lớn nhất thế giới, dẫn đến sự biến động mạnh mẽ của giá dầu. Điều này tác động trực tiếp đến giá đầu vào của Công ty, gây khó khăn trong việc dự báo chi phí và xây dựng kế hoạch kinh doanh ổn định. Ngoài ra, do tỷ trọng xăng dầu nhập khẩu vẫn ở mức cao, tỷ giá hối đoái trở thành một yếu tố quan trọng cấu thành giá đầu vào. Sự biến động của tỷ giá, dù không phải là yếu tố trọng yếu đối với Công ty với vai trò nhà phân phối, nhưng vẫn có thể gây ra những ảnh hưởng nhất định đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận.

Về phía đầu ra, giá bán xăng dầu tại Việt Nam chịu sự quản lý chặt chẽ của Bộ Công Thương thông qua các cơ chế điều hành thị trường có sự tham gia của Nhà nước. Các yếu tố như nhu cầu tiêu thụ, mức dự trữ quốc gia, và cơ cấu giá được điều chỉnh theo quy định, dẫn đến mức độ linh hoạt trong việc điều chỉnh giá bán ra thị trường của Công ty bị hạn chế. Khi nhu cầu thị trường tăng cao hoặc dự trữ quốc gia giảm, giá đầu ra có thể tăng theo quy định, nhưng lại không đồng nhất với mức tăng của giá đầu vào, gây áp lực lên biên lợi nhuận.

Giải pháp khắc phục

Công ty đã đẩy mạnh các chiến lược quản lý rủi ro như xây dựng các kênh nhập khẩu và dự trữ linh hoạt, tối ưu hóa hiệu quả vận hành và chi phí, đồng thời tăng cường phối hợp với cơ quan chức năng để nắm bắt và điều chỉnh kịp thời theo các chính sách quản lý giá của Nhà nước. Ngoài ra, việc đầu tư vào công nghệ quản lý tồn kho, dự báo giá dầu và tỷ giá cũng sẽ giúp Công ty nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường.



RỦI RO ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA

Lĩnh vực bán lẻ bách hóa

Trong lĩnh vực bán lẻ bách hóa, lạm phát cũng là yếu tố tác động đáng kể đến cả chi phí đầu vào và khả năng cạnh tranh đầu ra của Công ty. Về phía đầu vào, giá nguyên vật liệu và hàng hóa – đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu như thực phẩm, đồ gia dụng và nhu yếu phẩm – có xu hướng tăng theo đà lạm phát, kéo theo chi phí vận chuyển, lưu kho và phân phối cũng gia tăng đáng kể. Những biến động này khiến giá vốn hàng bán bị tăng lên, gây áp lực lên biên lợi nhuận của Công ty nếu không có giải pháp điều chỉnh phù hợp về giá bán, cơ cấu sản phẩm hoặc tối ưu vận hành.

Lạm phát còn làm gia tăng chi phí vận hành, bao gồm chi phí lao động và chi phí thuê mặt bằng. Khi mức lương và chi phí sinh hoạt tăng, Công ty cũng phải điều chỉnh lương nhân viên và có thể đối mặt với tình trạng chi phí thuê cửa hàng tăng cao, đặc biệt là ở những khu vực có mức sống cao. Tất cả những yếu tố này đều tạo áp lực lên chi phí hoạt động và yêu cầu Công ty phải tìm cách cắt giảm chi phí hoặc tối ưu hóa các quy trình để duy trì lợi nhuận.

Về đầu ra, lạm phát có thể làm giảm sức mua của người tiêu dùng, khiến họ tiết kiệm chi tiêu hơn và chỉ mua những sản phẩm thực sự cần thiết. Điều này ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bách hóa không thiết yếu, làm giảm doanh thu của Công ty từ những mặt hàng này. Đồng thời, dù giá bán lẻ có thể được điều chỉnh theo lạm phát, nhưng nếu không điều chỉnh đúng mức và kịp thời, Công ty có thể mất đi khách hàng, đặc biệt là những khách hàng nhạy cảm với giá cả trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

Giải pháp khắc phục

Để đối phó với các rủi ro từ lạm phát, Công ty đã áp dụng các chiến lược điều chỉnh giá linh hoạt, đàm phán lại với các nhà cung cấp để giữ giá ổn định, đồng thời tối ưu hóa chi phí vận hành và cải tiến quy trình quản lý kho hàng để giảm thiểu tổn thất. Công ty cũng có thể đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường để giảm sự phụ thuộc vào một nhóm sản phẩm nhất định, từ đó duy trì tăng trưởng doanh thu và bảo vệ biên lợi nhuận trong bối cảnh lạm phát.



CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)



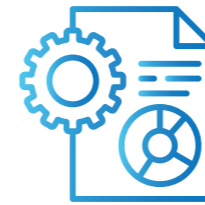
RỦI RO CẠNH TRANH

Rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực bán lẻ bách hóa và phân phối xăng dầu là một thách thức lớn mà Công ty phải đối mặt trong quá trình phát triển. Trong lĩnh vực bán lẻ bách hóa, thị trường ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt với sự gia nhập của nhiều doanh nghiệp mới, bao gồm cả các thương hiệu quốc tế và các nhà bán lẻ trực tuyến. Các đối thủ cạnh tranh không chỉ tập trung vào giá cả mà còn chú trọng vào cải thiện trải nghiệm khách hàng, đổi mới sản phẩm, và áp dụng công nghệ để tăng hiệu quả kinh doanh. Điều này đòi hỏi Công ty phải không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến sản phẩm, và đầu tư vào các chiến lược kinh doanh bền vững nhằm duy trì thị phần và xây dựng lòng trung thành của khách hàng.

Trong lĩnh vực phân phối xăng dầu, sự cạnh tranh cũng không kém phần khốc liệt, đặc biệt là từ các tập đoàn lớn với mạng lưới phân phối rộng khắp và các doanh nghiệp nhỏ hoạt động linh hoạt tại địa phương. Thị trường còn chịu tác động mạnh từ biến động giá dầu thô và chính sách điều tiết của Chính phủ, tạo áp lực lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp phân phối. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi sang năng lượng sạch và sự gia tăng của các phương tiện sử dụng năng lượng thay thế như xe điện cũng đặt ra thách thức lớn đối với sự phát triển dài hạn của lĩnh vực này.

Giải pháp khắc phục

Công ty đã và đang triển khai các chiến lược đồng bộ, bao gồm mở rộng và tối ưu hóa mạng lưới phân phối, nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua ứng dụng công nghệ, và tăng cường năng lực quản lý. Đồng thời, Công ty cũng tập trung xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng cho khách hàng và tận dụng lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý cũng như uy tín đã được xây dựng qua thời gian. Những nỗ lực này sẽ giúp Công ty không chỉ giảm thiểu rủi ro cạnh tranh mà còn duy trì sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế trên thị trường.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã đề cập ở trên, những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, động đất,... Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó kịp thời, đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ công nhân viên chức để giảm thiểu đối tác thiệt hại về người lẫn của.



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quy mô hoạt động

CMV là nhà bán lẻ hàng tiêu dùng nhanh hàng đầu tại Cà Mau, sở hữu mạng lưới 5 chi nhánh chính và 39 cửa hàng trải rộng khắp các huyện, thành phố trong tỉnh. Không ngừng mở rộng, CMV đã vươn ra các khu vực lân cận như Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng và TP. Hồ Chí Minh, khẳng định vị thế trong ngành bán lẻ. Với danh mục sản phẩm đa dạng, CMV đáp ứng mọi nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng, từ điện – điện tử, điện gia dụng, công nghệ thực phẩm, bách hóa gia dụng, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng, vật liệu xây dựng đến thời trang – may mặc, kim khí điện máy, xăng – dầu và gas.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

DOANH THU	NĂM 2023		NĂM 2024		% 2024/2023
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	
Doanh thu bách hóa	3.083.751	72,38%	3.312.084	71,86%	107,40%
Doanh thu xăng dầu	784.416	18,41%	890.157	19,31%	113,48%
Doanh thu khác	392.606	1,29%	406.879	8,83%	103,64%
Tổng cộng	4.260.773	100%	4.609.120	100%	108,18%

“Luôn luôn đồng hành
Luôn luôn sẻ chia”

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TT)

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



DOANH THU BÁN LẺ BÁCH HÓA VÀ ĐIỆN MÁY

Trong năm vừa qua, mảng bách hóa tiếp tục là nguồn doanh thu chủ lực của CMV, chiếm hơn 70% tổng doanh thu. Hoạt động bán lẻ bách hóa trong năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng tích cực với tăng trưởng hơn 7,02%. Động lực đứng sau sự tăng trưởng này là sự khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam, với GDP tăng trưởng tốt khoảng 7,09%, đã kéo theo thu nhập bình quân đầu người cải thiện đáng kể. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, như giảm thuế VAT và duy trì lãi suất ở mức hợp lý, đã kích thích chi tiêu tiêu dùng, tạo điều kiện để doanh thu bán lẻ bách hóa của công ty tiếp tục tăng trưởng ổn định.

DOANH THU BÁN HÀNG XĂNG DẦU

Mảng kinh doanh xăng dầu của CMV, chiếm khoảng 20% tổng doanh thu, đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 13,48% so với cùng kỳ. Năm 2024, giá dầu thế giới hạ nhiệt cùng với chính sách nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng tiếp cận nhiên liệu với chi phí hợp lý hơn. Theo đó, hoạt động của CMV chủ yếu tập trung tại Cà Mau và các tỉnh lân cận, khu vực có thế mạnh về nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và vận tải đường biển. Sự phục hồi của nền kinh tế kéo theo nhu cầu nhiên liệu gia tăng, đặc biệt từ các đội tàu đánh bắt và các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan. Nhờ đó, mảng xăng dầu của CMV tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, đóng góp đáng kể vào doanh thu chung, đồng thời củng cố vị thế của công ty trên thị trường bán lẻ nhiên liệu khu vực.

DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ DOANH THU KHÁC

Doanh thu khác ghi nhận mức tăng nhẹ 3,64% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ các hoạt động bán gas, điện máy, các mặt hàng khác và dịch vụ vận tải xăng dầu. Trong đó, mảng điện máy tăng trưởng mạnh mẽ với mức tăng ấn tượng 28,72%, phản ánh tín hiệu phục hồi tích cực từ thị trường bán lẻ điện máy. Ngược lại, doanh thu từ hoạt động kinh doanh gas giảm 5,28%, nguyên nhân đến từ tình trạng thiếu hụt nguồn cung khí hiện hữu và các vướng mắc trong chính sách liên quan đến khí LNG, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư và kinh doanh LNG trong kỳ. Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động làm việc với các cơ quan chức năng để tháo gỡ các nút thắt chính sách, hướng đến đảm bảo ổn định nguồn cung và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh LNG trong thời gian tới.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH2024/ KH2024	TH2024/ TH2023
Tổng doanh thu	4.260.773	4.250.000	4.609.119	108,18%	108,45%
Lợi nhuận trước thuế	20.177	17.438	14.525	71,99%	83,30%
Lợi nhuận sau thuế	14.801	13.950	9.978	67,41%	71,53%

Trong bối cảnh kinh tế phát triển thuận lợi, CMV đã hoàn thành kế hoạch doanh thu nhờ chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo cùng với sự nỗ lực của toàn thể nhân viên. Cụ thể, doanh thu năm 2024 vượt 8,45% so với mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều giảm và không đạt kế hoạch do chi phí bán hàng tăng cao (+20,62%), đã trực tiếp ảnh hưởng đến biên lợi nhuận hoạt động. Trong đó, chi phí nhân viên với tỷ trọng gần 65% đã ghi nhận mức tăng đáng kể là 20,6%, chủ yếu trong năm qua Công ty đã có các chính sách khuyến khích tăng trưởng doanh thu bán hàng thông qua tăng thưởng doanh số cho nhân viên. Bên cạnh đó, chi phí như khấu hao tài sản cố định và một số chi phí khác trong chi phí bán hàng cũng tăng mạnh (+31,8%), do Công ty đã đầu tư vào (1) Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các cửa hàng và kho hàng, (2) Cải tạo và sửa chữa các cửa hàng hiện hữu, (3) Mua thêm các xe tải để phục vụ hoạt động vận chuyển hàng hóa. Mặc dù các hoạt động đầu tư mới này làm gia tăng áp lực chi phí trong ngắn hạn, nhưng về dài hạn, đây sẽ là nền tảng quan trọng giúp CMV nâng cao tiêu chuẩn an toàn, giảm thiểu rủi ro vận hành và tối ưu hóa chi phí logistics. Với định hướng mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả quản lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa chuỗi cung ứng, CMV đang từng bước củng cố vị thế trên thị trường bán lẻ khu vực, hướng đến tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo.



Danh sách Ban Điều hành

Tính đến thời điểm 31/12/2024

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám đốc	-	-
2	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc	100.000	0,55%
3	Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	30.456	0,17%
4	Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng	-	-

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN HỮU LONG - Tổng Giám đốc

Năm sinh1985
Trình độ chuyên mônCử nhân kinh tế Quốc tế

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khácChủ tịch HĐQT CTCP In Bạc Liêu, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH TM Dịch vụ Long Hưng

Quá trình công tác

- » 2007 - 2011Chuyên viên Kinh doanh - Công ty Xăng dầu Khu vực 2 (Petrolimex Sài Gòn)
- » 2012 - 2014Phó Giám đốc - CTCP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (PV Oil Ninh Bình)
- » 2015 - 2017Quản lý Siêu thị - CTCP Thương mại Tổng hợp Vincommerce
- » 2018 - 2023TGD - CTCP Tập đoàn Miền núi
- » 2018 - NayGiám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH TM Dịch vụ Long Hưng
- » 2024 - NayChủ tịch HĐQT CTCP In Bạc Liêu

Ông PHÙ CHÍ ANH - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh1974
Trình độ chuyên mônCử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

- » 10/1998 - 02/1999Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- » 02/1998 - 12/2001Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- » 01/2002 - 01/2007Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- » 02/2007 - 11/2007Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán CMV
- » 12/2007 - 12/2012Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
- » 07/09/2016 - 10/2022Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
- » 06/2020 - 05/2023Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau
- » 02/01/2013 - NayPhó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Danh sách Ban Điều hành (Tiếp theo)

Bà TRẦN THỊ TRÚC LINH - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh

1977

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

- » 05/2000 - 09/2003 Kế toán Phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty Thương Nghiệp Cà Mau
- » 10/2003 - 07/2004 Cửa hàng Phó Cửa hàng May Mặc sẵn (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
- » 08/ 2004 - 05/2005 Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Bến Tàu A (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
- » 06/2005 - 11/2007 Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Phường 2 (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
- » 12/2007 - 10/2009 Kế toán phong Tài chính & IT CTCP Thương nghiệp Cà Mau
- » 03/2010 - 10/2012 Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt (Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2010 – 2012)
- » 11/2012 - 03/2015 Trưởng Phòng Kinh doanh CTCP Thương Nghiệp Cà Mau. Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2012 – 2017
- » 04/2015 - 08/2019 Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt (Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy niên khóa 2015 – 2020), (Phó Chủ tịch công đoàn niên khóa 2017 – 2022)
- » 08/2019 - 12/2021 Trưởng phòng kinh doanh - kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt
- » 29/12/2021 - nay Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Bà NGUYỄN HOÀNG HÀ MY - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh

1996

Trình độ chuyên môn

Cử nhân QTKD - Tài chính

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác Phó Giám đốc – Công ty TNHH TM và DV Long Hưng, Thành viên HĐQT CTCP In Bạc Liêu

Quá trình công tác

- » 17/06/2022 - nay Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
- » 2024 - Nay Thành viên HĐQT CTCP In Bạc Liêu

Bà NGUYỄN THÚY ÁI - Kế toán trưởng

Năm sinh

1988

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

- » 08/2011 - 06/2022 Kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
- » 07/2022 - 10/2022 Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
- » 01/11/2022 - nay Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2024

Không có

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Số lượng cán bộ, nhân viên

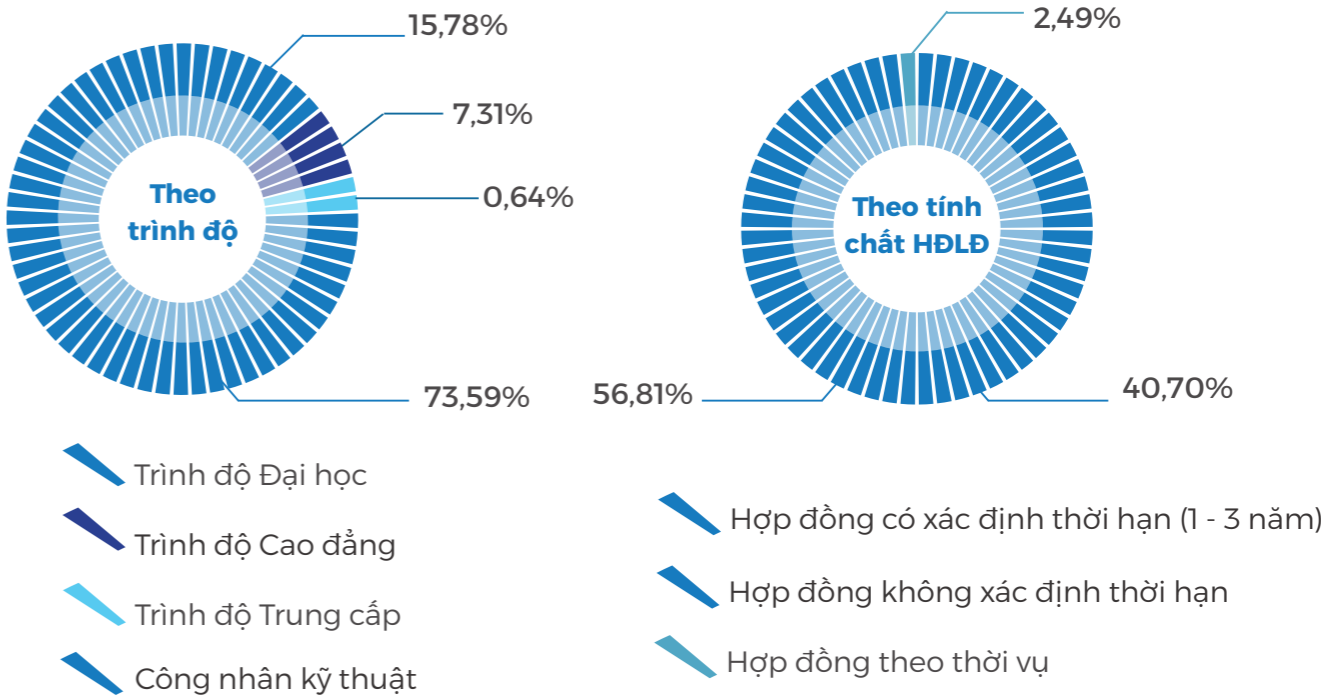
Tính đến ngày 31/12/2024

STT	TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ LỆ (%)
I	Theo trình độ	602	100,00%
1	Đại học	95	15,78%
2	Cao đẳng	44	7,31%
3	Trung cấp	20	3,32%
4	Công nhân kỹ thuật	443	73,59%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	602	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (1-3 năm)	245	40,70%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	342	56,81%
3	Hợp đồng theo thời vụ	15	2,49%
III	Theo giới tính	602	100,00%
1	Nam	137	22,76%
2	Nữ	465	77,24%

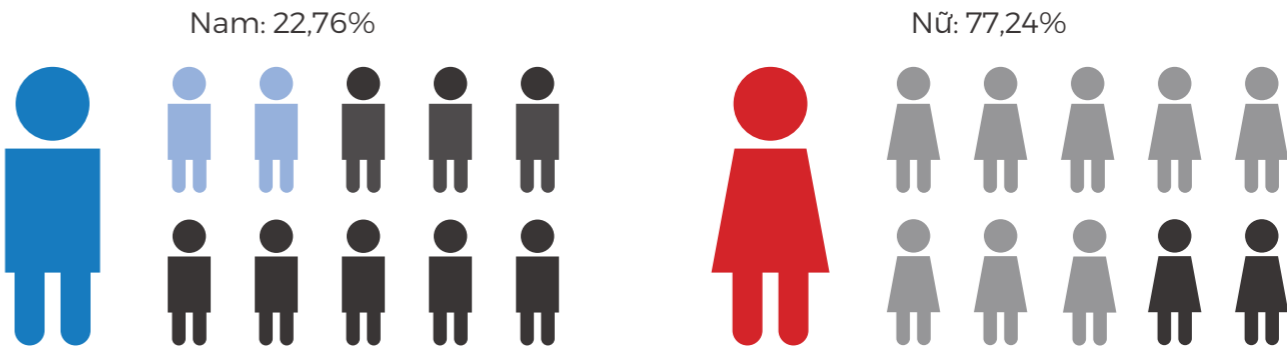
Thu nhập bình quân của người lao động

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	629	619	586	607	602
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.000.000	8.000.000	8.500.000	8.500.000	8.500.000

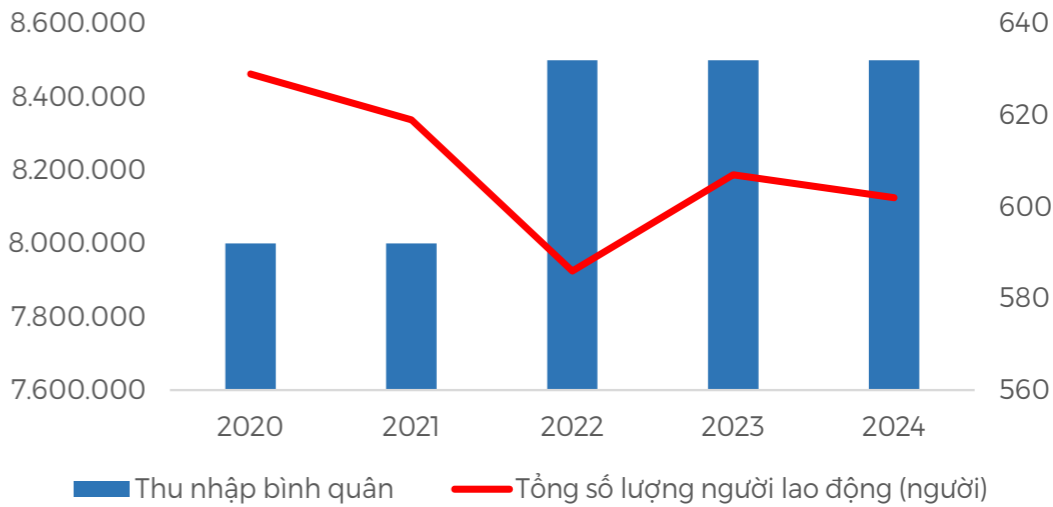
Phân loại lao động theo trình độ và tính chất HĐLĐ



Phân loại lao động theo giới tính



Thu nhập bình quân



TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Chính sách nhân sự



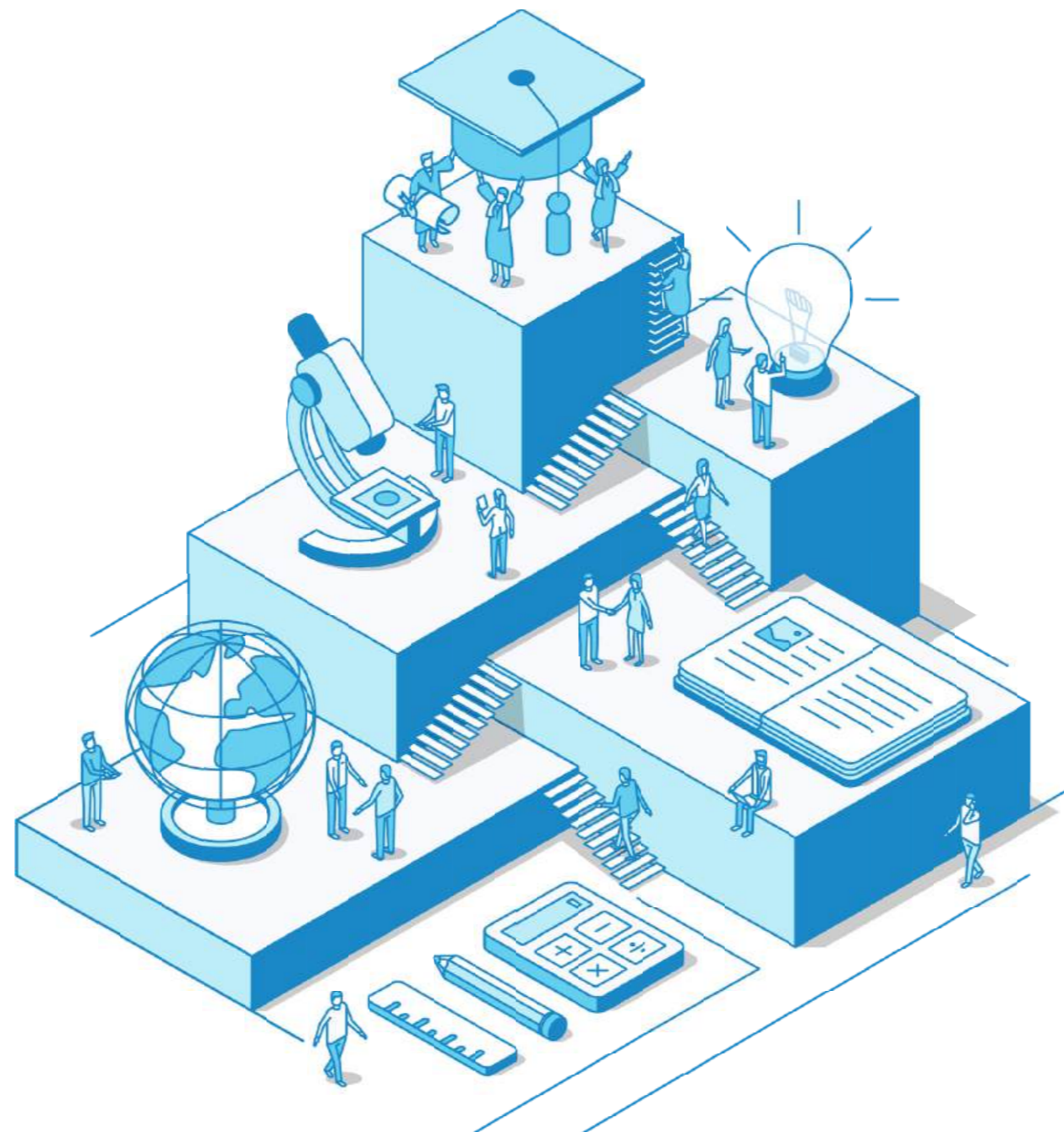
Về đào tạo

Tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CMV), nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt quyết định sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đặc biệt, đội ngũ nhân viên bán hàng đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận và thuyết phục khách hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh. Nhận thức sâu sắc điều này, CMV luôn chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng cho nhân viên bán hàng.



Về tuyển dụng

Tại CMV, chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng nguồn nhân lực chất lượng là nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Vì vậy, công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự và lãnh đạo chất lượng, không chỉ thông qua các chính sách giữ chân lực lượng lao động chủ chốt mà còn bằng việc thu hút nhân tài có năng lực và cam kết gắn bó lâu dài. Điều này giúp CMV nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động và đáp ứng các mục tiêu phát triển quan trọng. Song song với đó, CMV đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo và phát triển nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các



khóa đào tạo chuyên sâu, không chỉ nhằm nâng cao chuyên môn mà còn trang bị kiến thức về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy. Những chương trình này không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh mà còn góp phần đảm bảo sự an toàn và phát triển bền vững của công ty.



Về môi trường làm việc

Một môi trường làm việc tích cực không chỉ góp phần nâng cao hiệu suất mà còn gắn liền với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Vì vậy, chúng tôi luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, nơi nhân viên có thể phát huy sáng tạo và được truyền cảm hứng để hoàn thành tốt công việc.

Với tinh thần văn minh và trách nhiệm, đội ngũ nhân viên CMV luôn đề cao văn hóa doanh nghiệp, thể hiện qua thái độ làm việc nghiêm túc và cách ứng xử chuẩn mực. Điều này không chỉ tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp mà còn giúp nâng cao uy tín và gây ấn tượng tốt với khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường, nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người và tài sản trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Chính sách nhân sự

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ



CMV cam kết thực hiện đầy đủ và minh bạch các chế độ lương thưởng, phúc lợi, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và điều khoản trong hợp đồng lao động. Nhân viên không chỉ được đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà còn được hưởng các chính sách đãi ngộ như tiền thưởng, chế độ nghỉ phép, giúp tạo động lực làm việc.

*“Luôn luôn đồng hành
Luôn luôn sẻ chia”*



Về lương thưởng, phúc lợi,    đãi ngộ

Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các chuyến du lịch định kỳ và tiệc cuối năm nhằm tri ân những đóng góp của toàn thể cán bộ, nhân viên. Ban quản lý ở mọi cấp luôn sẵn sàng hỗ trợ, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong công việc cũng như quan tâm đến sức khỏe tinh thần và thể chất của nhân viên, đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất để họ an tâm cống hiến.

Chính sách lương thưởng của Công ty được xây dựng theo nguyên tắc phân phối theo lao động, đảm bảo mỗi cá nhân được hưởng chế độ đãi ngộ phù hợp với năng lực, vị trí và mức độ đóng góp. Ban lãnh đạo luôn chú trọng đến việc sử dụng chính sách tiền lương như một công cụ thúc đẩy nhân viên nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị tính: Triệu đồng





Công ty Cổ phần Bạc Liêu



Công ty cung cấp các dịch vụ in ấn như: In sách, báo, hóa đơn, lịch tờ, lịch lóc, vé số và những ấn phẩm khác. Kết quả kinh doanh tăng trưởng đều và tình hình tài chính được duy trì ổn định trong nhiều năm liền.

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2023	NĂM 2024	%2024/2023
1	Tổng tài sản	17.233	12.713	73,77%
2	Doanh thu thuần	11.505	8.753	76,08%
3	Giá vốn hàng bán	12.643	9.661	76,41%
4	Doanh thu thuần hoạt động tài chính	409	332	81,17%
5	Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	3.599	2.721	75,60%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.329)	(3.297)	-
7	Lợi nhuận khác	3	92	3.066,67%
8	Lợi nhuận trước thuế	(4.326)	(3.203)	-
9	Lợi nhuận sau thuế	(4.138)	(2.275)	-



Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%2024/ 2023
1	Tổng giá trị tài sản	530.920	502.604	94,67%
2	Doanh thu thuần	4.260.773	4.609.119	108,18%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.798	385	21,41%
4	Lợi nhuận khác	18.378	14.140	76,94%
5	Lợi nhuận trước thuế	20.177	14.525	71,99%
6	Lợi nhuận sau thuế	14.801	9.977	67,41%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	4%	80%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,46	1,51
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,58	0,49
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,88%	51,04%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	116,84%	104,25%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	17,44	17,32
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	8,36	8,92
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,35	0,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,98	4,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,90	1,93
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit)	%	0,04	0,01

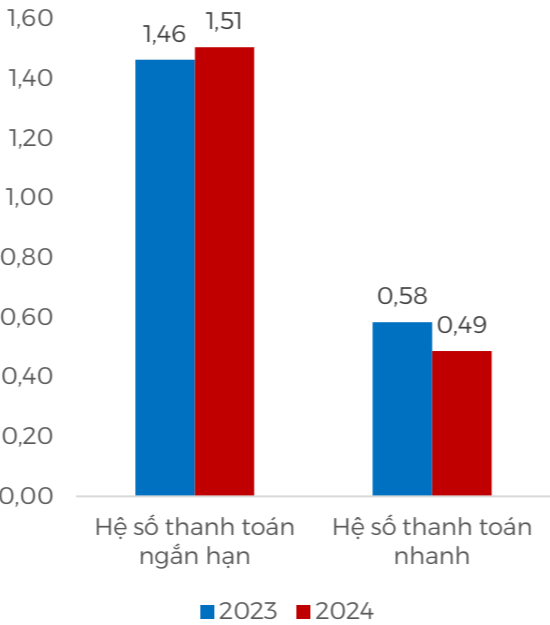
“Luôn luôn đồng hành
Luôn luôn sẻ chia”



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tiếp theo)

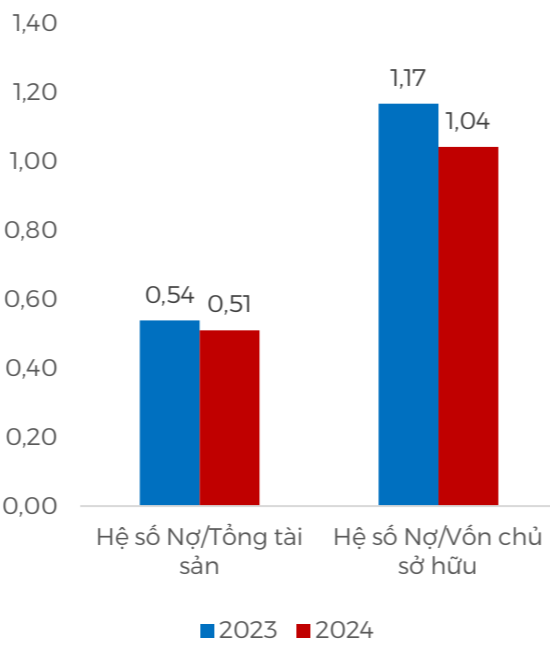
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2024, chỉ số thanh toán ngắn hạn của CMV duy trì ổn định, tăng từ 1,46 lần lên 1,51 lần. Sự cải thiện này chủ yếu do công ty chủ động thanh toán bớt các khoản vay ngân hàng, do đó nợ ngắn hạn giảm 26 tỷ đồng so với đầu năm. Đồng thời, CMV cũng đẩy mạnh tích trữ hàng tồn kho nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong thời gian sắp tới. Theo đó, chỉ số thanh toán nhanh cũng giảm xuống 0,49 lần. Mặc dù hàng tồn kho vẫn đảm bảo tính thanh khoản trong điều kiện bình thường, nhưng nếu phát sinh các nghĩa vụ thanh toán lớn, CMV có thể gặp khó khăn hoặc phải gánh chịu chi phí cao khi huy động nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính.



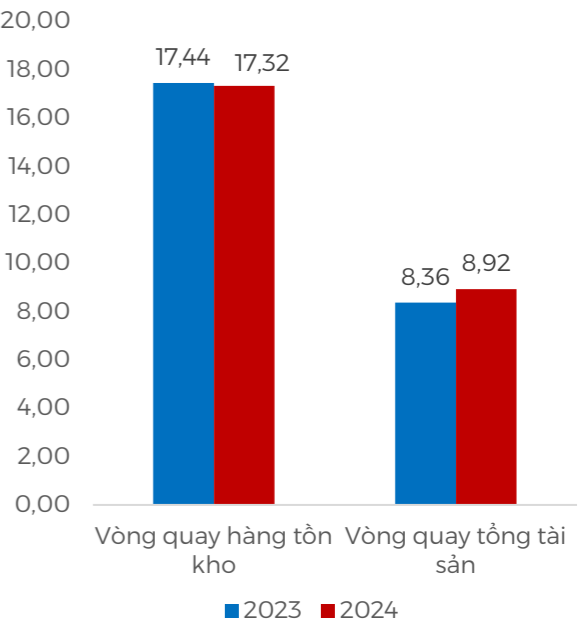
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Theo chủ trương tối ưu hóa hoạt động tại các cửa hàng, CMV đã chủ động giảm dư nợ vay, góp phần giúp hệ số đòn bẩy tài chính giảm xuống còn 38,90%. Việc cắt giảm nợ vay không chỉ giúp công ty cải thiện đáng kể khả năng thanh toán dài hạn, mà còn củng cố nền tảng tài chính vững chắc. Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành bán lẻ, CMV duy trì khả năng thanh toán dài hạn tốt nhờ nguồn lực nội tại ổn định. Đồng thời, việc kiểm soát nợ hiệu quả giúp công ty giảm thiểu rủi ro tài chính, giữ vững vị thế để mở rộng trong tương lai. Với cơ cấu tài chính lành mạnh, CMV có thể chủ động tận dụng các khoản vay lãi suất thấp khi xuất hiện cơ hội đầu tư phù hợp, tạo động lực tăng trưởng bền vững.



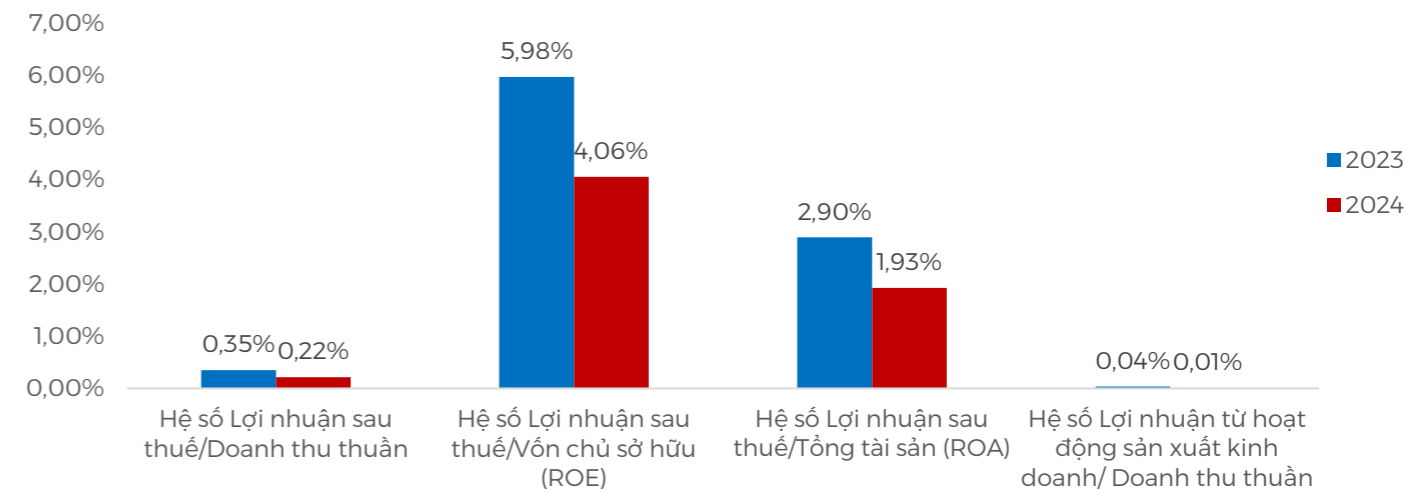
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Nhờ chiến lược ứng dụng hệ thống phân tích, đẩy mạnh chuyển đổi số và tối ưu hóa vận hành, CMV đã cải thiện đáng kể vòng quay tài sản, nâng lên mức 8,92. Việc thực thi các kế hoạch kinh doanh hiệu quả giúp doanh thu tăng 8,18%, trong khi tổng tài sản giảm 5,33% do công ty chủ động tối ưu hóa nguồn lực. Tuy nhiên, trong quá trình này, khâu quản lý hàng tồn kho có phần bị ảnh hưởng, khiến vòng quay hàng tồn kho giảm xuống còn 17,33. Dù vậy, đây vẫn là một con số ấn tượng, phản ánh đặc trưng của ngành bán lẻ và cho thấy hiệu suất quản lý hàng tồn kho của CMV vẫn ở mức khả quan.



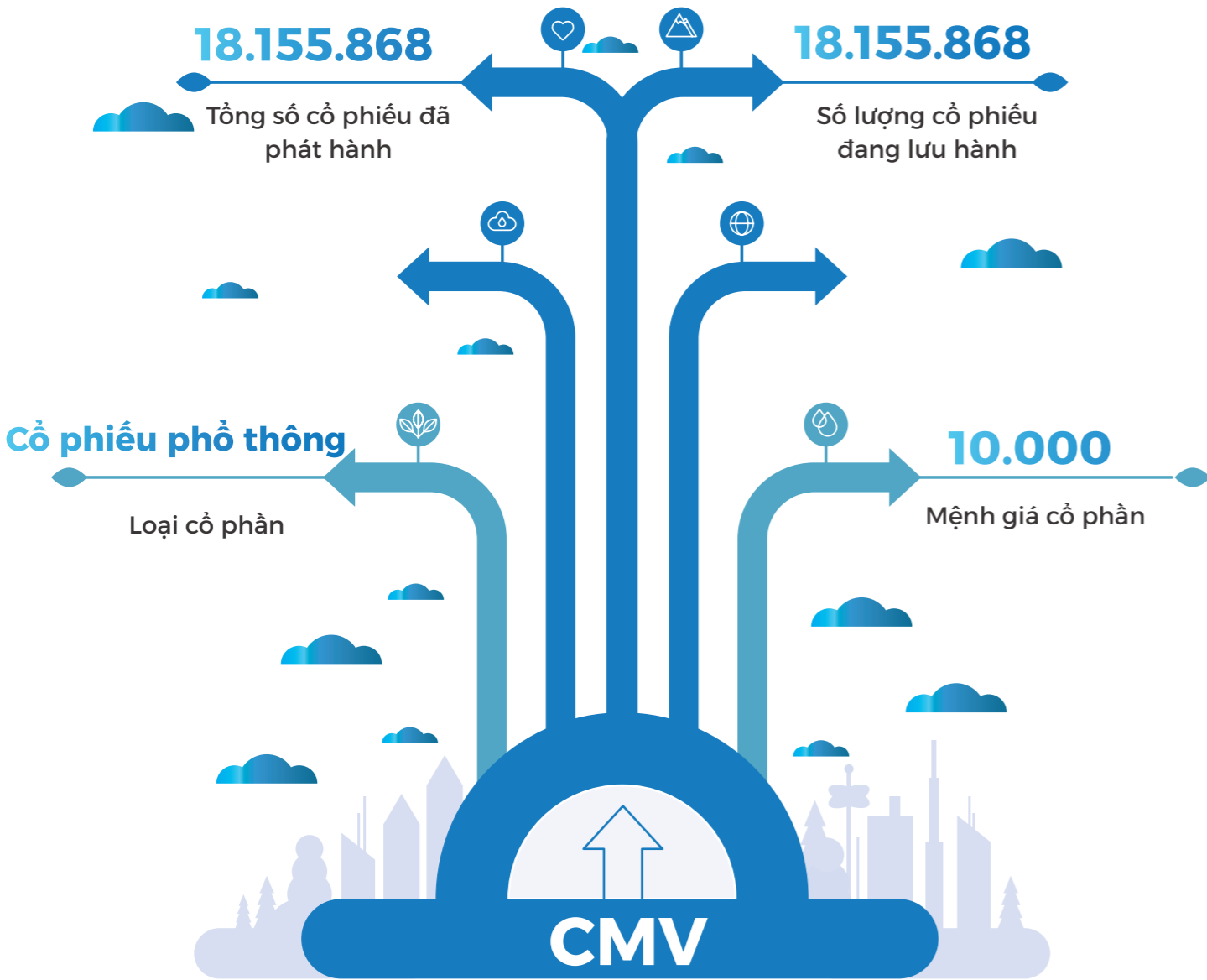
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Dù doanh thu năm 2024 tăng trưởng tích cực, đạt 8,18% so với năm 2023, nhưng các chỉ số về khả năng sinh lời của CMV lại có xu hướng giảm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự gia tăng đáng kể của chi phí bán hàng, tăng 20,62% so với năm trước. Đáng chú ý, chi phí nhân viên đã tăng từ 88 tỷ đồng lên 109 tỷ đồng, do thay đổi trong chính sách chiết khấu, thưởng doanh số cho nhân viên bán hàng. Bên cạnh đó, CMV đã đầu tư mở rộng tài sản cố định và phương tiện giao hàng, kéo theo chi phí khấu hao tăng đáng kể, góp phần làm gia tăng chi phí bán hàng. Những yếu tố này đã ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của công ty, khiến kết quả lợi nhuận không đạt như kỳ vọng kế hoạch đã đề ra.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ
CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phần



Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông được chốt tại ngày 31/12/2024

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
I Cơ cấu sở hữu			
1	Cổ đông lớn	12.535.597	69,04%
2	Cổ đông nhỏ	5.620.271	30,96%
II Đối tượng sở hữu			
1	Cổ đông tổ chức	12.913.536	71,13%
2	Cổ đông cá nhân	5.242.332	28,87%
III Phạm vi sở hữu			
1	Cổ đông trong nước	18.148.765	99,96%
2	Cổ đông ngoài nước	7.103	0,04%
IV Sở hữu nhà nước			
1	Cổ đông nhà nước	2.936.024	16,17%
2	Cổ đông khác	15219844	83,83%
Tổng cộng		18.155.868	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Theo Công văn số 8752/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau ngày 21/12/2021 của UBCKNN.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Thông tin thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

THỜI ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	VỐN SAU KHI TĂNG	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	ĐƠN VỊ CẤP
2009	1.049.986	80.499.860.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	UBCKNN
2010	1.529.352	95.793.380.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 9%	UBCKNN
2011	1.628.257	112.075.950.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	UBCKNN
2012	896.317	121.039.129.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%	UBCKNN
2021	6.051.956	181.558.680.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng với tỷ lệ phát hành 2:1	UBCKNN

Giao dịch cổ phiếu quỹ Không có

Các chứng khoán khác Không có

“*Luôn luôn đồng hành*
Luôn luôn sẻ chia”



Báo cáo tác động liên quan đến MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CAMEX

Tác động lên môi trường

Tại CMV, trách nhiệm bảo vệ môi trường không chỉ là một phần trong chiến lược phát triển bền vững mà còn là cam kết của toàn thể Ban Lãnh đạo và nhân viên. Công ty luôn nỗ lực xây dựng và thực thi các chính sách khuyến khích nhân viên giảm thiểu rác thải, sử dụng hiệu quả nguồn lực như điện, nước và tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát khí thải nhà kính

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, bán buôn; hoạt động vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu của công ty gián tiếp thải một số khí độc hại ra môi trường. Do đó, CMV đã đầu tư vào hệ thống luân chuyển hàng hóa tối ưu, nhằm giảm thiểu tối đa lượng khí thải từ phương tiện vận chuyển. Bằng cách này, công ty không chỉ giảm phát thải khí nhà kính mà còn tối ưu hóa chi phí liên quan đến các nguồn năng lượng.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là một trong những doanh nghiệp bán lẻ cung cấp đa dạng sản phẩm, phục vụ nhu cầu tiêu dùng phong phú của khách hàng. Với hoạt động chính là phân phối, Công ty luôn đảm bảo nguồn nguyên vật liệu ổn định, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, để duy trì chất lượng sản phẩm, công tác bảo quản và vận chuyển luôn được chú trọng nhằm đảm bảo sản phẩm đến tay khách hàng trong điều kiện tốt nhất.

Lợi thế của công ty đến từ mạng lưới cung ứng rộng lớn với nhiều nhà sản xuất uy tín, giúp hạn chế rủi ro về nguồn cung đầu vào. Đồng thời, công ty áp dụng chính sách quản lý hàng tồn kho linh hoạt, vừa đảm bảo nguồn cung dồi dào, vừa kiểm soát được chất lượng sản phẩm. Nhờ chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng lợi thế nguồn cung lớn, công ty có thể nhanh chóng thích ứng với biến động thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng một cách hiệu quả.

Tổng giá trị hàng tồn kho tính đến ngày 31/12/2024: 260.787 triệu đồng.

Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động tiêu thụ năng lượng của CMV chủ yếu tập trung tại các hệ thống chi nhánh, cửa hàng bán lẻ, bán buôn và văn phòng làm việc. Nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường, CMV luôn nỗ lực giảm thiểu lãng phí điện năng và tích cực hưởng ứng các chính sách tiết kiệm năng lượng của Nhà nước.

Để thực hiện cam kết này, công ty đã triển khai hàng loạt biện pháp tiết kiệm năng lượng hiệu quả như:

- » Tích cực tham gia các sự kiện như Giờ Trái Đất, đồng thời tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm điện trong toàn thể nhân viên.
- » Lắp đặt các thiết bị tiết kiệm năng lượng và có hiệu suất cao nhằm tối ưu hóa mức tiêu thụ điện.
- » Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống điện để giảm thiểu tổn thất năng lượng và ngăn ngừa các sự cố không mong muốn.
- » Khuyến khích nhân viên sử dụng điện hợp lý, hạn chế lãng phí và xây dựng môi trường làm việc xanh, bền vững.

Tổng sản lượng điện sinh hoạt tiêu thụ: 536.319 kWh

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG

LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Tiêu thụ nước

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nhu cầu sử dụng ngày càng tăng, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CMV) đã chủ động triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm tối ưu hóa việc sử dụng và quản lý nguồn nước.

Nguồn nước của CMV chủ yếu được lấy từ hệ thống giếng khoan, phục vụ hoạt động tại các chi nhánh, cửa hàng bán lẻ và văn phòng. Để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu quả sử dụng nước, công ty đã đầu tư vào các thiết bị hiện đại như hệ thống tự động ngắt nước, vòi chảy chậm và thiết bị khử trùng tay bằng hơi nước. Những giải pháp này giúp kiểm soát chặt chẽ lượng nước tiêu thụ, hạn chế thất thoát và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Bên cạnh việc đầu tư công nghệ, CMV cũng chú trọng vào việc nâng cao ý thức tiết kiệm nước trong toàn thể nhân viên. Các chương trình truyền thông nội bộ và các buổi tập huấn thường xuyên được tổ chức để khuyến khích mọi người sử dụng nước một cách hợp lý và hiệu quả. Đồng thời, công ty cũng thực hiện kiểm soát và đánh giá chất lượng nguồn nước định kỳ, đảm bảo an toàn khi sử dụng và góp phần bảo vệ tài nguyên nước lâu dài.



Tổng sản lượng nước sinh hoạt tiêu thụ: 14.098 m³

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

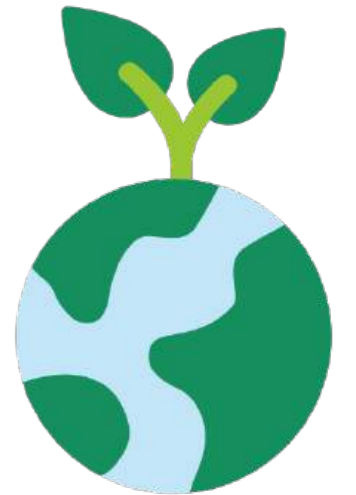
Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Sao Ta rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

CMV luôn cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về phát thải và quy định bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường, thể hiện sự tuân thủ chặt chẽ và trách nhiệm cao trong việc bảo vệ môi trường.

Các phương tiện vận chuyển của Công ty đều được kiểm định định kỳ, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về khí thải và đảm bảo không gây ô nhiễm. CMV cũng không ngừng tìm kiếm và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, cải tiến quy trình vận hành nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đăng kiểm Việt Nam để đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện an toàn, hiệu quả và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Đây không chỉ là cam kết với môi trường mà còn là trách nhiệm của CMV đối với cộng đồng và xã hội.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG
LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số người lao động

602

người

Thu nhập bình quân

8.500.000

đồng



Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ về bán hàng, marketing và nhiều lĩnh vực liên quan khác. Các khóa học này không chỉ giúp cập nhật kiến thức và kỹ năng mới mà còn tạo điều kiện để nhân viên phát huy tối đa tiềm năng cá nhân.

Bên cạnh đó, CMV còn thực hiện việc đánh giá năng lực nhân viên một cách thường xuyên để xác định chất lượng công việc và nhu cầu phát triển của từng cá nhân. Dựa trên kết quả đánh giá, công ty thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp, góp phần nâng cao hiệu suất làm việc và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Về chính sách lương thưởng đối với người lao động

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CMV) luôn coi đội ngũ cán bộ, nhân viên là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp. Do đó, công ty chú trọng xây dựng chính sách lương thưởng công bằng, minh bạch và cạnh tranh nhằm thu hút, giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chính sách tiền lương và thưởng được CMV điều chỉnh hàng năm, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh và tuân thủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Nguyên tắc "làm việc gì, chức vụ gì hưởng lương theo công việc/chức vụ đó" được áp dụng, đảm bảo sự công bằng và khuyến khích nhân viên phát huy tối đa năng lực.

Ngoài mức lương cơ bản, CMV còn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

CMV luôn đặt sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động lên hàng đầu thông qua việc xây dựng và thực hiện các chính sách lao động toàn diện. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp cho tất cả nhân viên, đảm bảo sự bảo vệ toàn diện về mặt pháp lý và tài chính.

Đồng thời, CMV không ngừng cải thiện môi trường làm việc, ưu tiên an toàn lao động và tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe định kỳ nhằm bảo vệ sức khỏe của nhân viên. Công ty cũng cung cấp nhiều phúc lợi đa dạng như phụ cấp chi phí, khen thưởng, du lịch và các hoạt động ngoại khóa, giúp tăng cường đời sống tinh thần và gắn kết đội ngũ.

CMV luôn lắng nghe và trân trọng những ý kiến đóng góp của nhân viên, từ đó liên tục điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách lao động để tạo ra môi trường làm việc tích cực và bền vững.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Khoản mục	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% TH2024/ TH2023	%TH2024/ KH2023
Tổng doanh thu	4.260.773	4.250.000	4.609.119	108,18%	108,45%
Lợi nhuận trước thuế	20.177	17.438	14.525	69,91%	83,30%
Lợi nhuận sau thuế	14.801	13.950	9.977	65,10%	71,52%

DOANH THU

Trong năm qua, sự tăng trưởng của nền kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhờ vào chiến lược kinh doanh hiệu quả cùng sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo và nhân viên, tổng doanh thu năm 2024 vượt kế hoạch, đạt mức 108,45% so với mục tiêu đề ra. Thành quả này phản ánh khả năng thích ứng linh hoạt của Công ty trước những biến động thị trường và hiệu quả của các chính sách điều hành.

So với năm 2023, doanh thu của Công ty CMV cũng ghi nhận mức tăng 8,18%, đạt hơn 4.609 tỷ đồng. Bán lẻ bách hóa tiếp tục là mảng kinh doanh chủ lực, chiếm hơn 70% tổng doanh thu, với mức tăng trưởng 7,02%, nhờ vào sự phục hồi kinh tế, chính sách hỗ trợ tiêu dùng. Bên cạnh đó, mảng xăng dầu đóng góp khoảng 20% doanh thu, tăng trưởng 13,48% nhờ vào nhu cầu tiêu thụ phục hồi mạnh bởi các nỗ lực kích cầu của chính phủ, sự ổn định giá dầu và sự phát triển của ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông. Tận dụng hiệu quả cơ hội từ nền kinh tế đang phục hồi, Công ty cũng đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong vận hành, đồng thời mở rộng quy mô bán lẻ thông qua hệ thống cửa hàng hiện hữu. Song song đó, Công ty luôn chú trọng mở rộng cơ hội kinh doanh mới, đảm bảo tốc độ tăng trưởng bền vững trên nền tảng sử dụng nguồn vốn hiệu quả và cân đối.

*“Luôn luôn đồng hành
Luôn luôn sẻ chia”*

ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

LỢI NHUẬN

Mặc dù doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng tích cực nhờ vào các chiến lược kinh doanh hiệu quả, nhưng áp lực chi phí nhân viên cùng các loại thuế, phí gia tăng đã làm bào mòn biên lợi nhuận của Công ty. Điều này dẫn đến việc lợi nhuận trước thuế và sau thuế không đạt kế hoạch đề ra, chỉ lần lượt đạt 83,30% và 71,52% so với mục tiêu.

Một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty là chi phí nhân sự tăng cao do chính sách đãi ngộ hấp dẫn và các khoản thưởng doanh số dành cho đội ngũ bán hàng. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các cửa hàng, cải tạo sửa chữa các cửa hàng và phương tiện giao hàng đã làm tăng đáng kể chi phí khấu hao, góp phần khiến chi phí bán hàng tăng 20,62% so với năm trước.

Dù vậy, công ty đã quản lý hiệu quả các khoản chi phí vận hành khác, kiểm soát tốt và giữ được sự ổn định, giúp hạn chế phần nào tác động tiêu cực đến lợi nhuận cuối cùng. Điều này thể hiện sự cân nhắc và linh hoạt trong quản lý chi phí nhằm duy trì hiệu quả kinh doanh.

Nhận thức được thách thức này, CMV đang tích cực tìm kiếm các giải pháp tối ưu hóa chi phí, tập trung vào:



Đàm phán với các nhà cung cấp để tối ưu hóa chi phí đầu vào, từ đó cải thiện biên lợi nhuận.



Rà soát và tinh gọn bộ máy hoạt động, cắt giảm các khoản chi không cần thiết nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh.



Đẩy mạnh các chiến lược tăng doanh thu, đặc biệt là trong các mảng có lợi nhuận biên cao như điện máy và bán lẻ, nhằm bù đắp phần lợi nhuận bị ảnh hưởng.



Tăng cường tự động hóa và chuyển đổi số để nâng cao hiệu suất vận hành, giảm tải chi phí nhân sự và quản lý.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm vừa qua, Công ty đã hoàn tất việc xây dựng và triển khai hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) tại các kho xăng dầu, tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn và quy định hiện hành nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho con người và tài sản. Việc triển khai hệ thống PCCC này không chỉ đáp ứng các yêu cầu pháp lý mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho nhân viên và cộng đồng xung quanh.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Xây dựng thương hiệu



Công ty không ngừng cải tiến công tác quản lý hoạt động kinh doanh thương mại nhằm nâng cao hiệu quả và củng cố vị thế tại thị trường Cà Mau. Bên cạnh việc duy trì thị phần hiện có, Công ty còn đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, xây dựng thương hiệu tại các tỉnh thành khác trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, mở rộng mạng lưới khách hàng và tìm kiếm các cơ hội hợp tác mới.

Nguồn cung nguyên liệu



Để quản lý nguồn cung nhiên liệu hiệu quả hơn, Công ty chủ động lập kế hoạch dựa trên các biến động của thị trường trong nước và quốc tế, từ đó linh hoạt trong việc nhập khẩu, phân phối và dự trữ nhiên liệu. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa chi phí, giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá cả mà còn đảm bảo nguồn cung ổn định cho khách hàng.

Vận chuyển hàng hóa



Đặc biệt, Công ty đã thông qua chủ trương đóng mới tàu sắt vận chuyển xăng dầu để thay thế các phương tiện gỗ truyền thống. Đây là một bước tiến quan trọng giúp nâng cao năng lực vận chuyển, giảm thiểu rủi ro về môi trường và an toàn lao động, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Ứng dụng công nghệ



Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng ứng dụng công nghệ vào quản lý và vận hành, bao gồm hệ thống quản lý kho hàng tự động, phần mềm quản lý bán hàng hiện đại, giúp giám sát chặt chẽ lượng hàng tồn kho, tối ưu quy trình bán hàng và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Những cải tiến này không chỉ giúp tăng hiệu suất kinh doanh mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

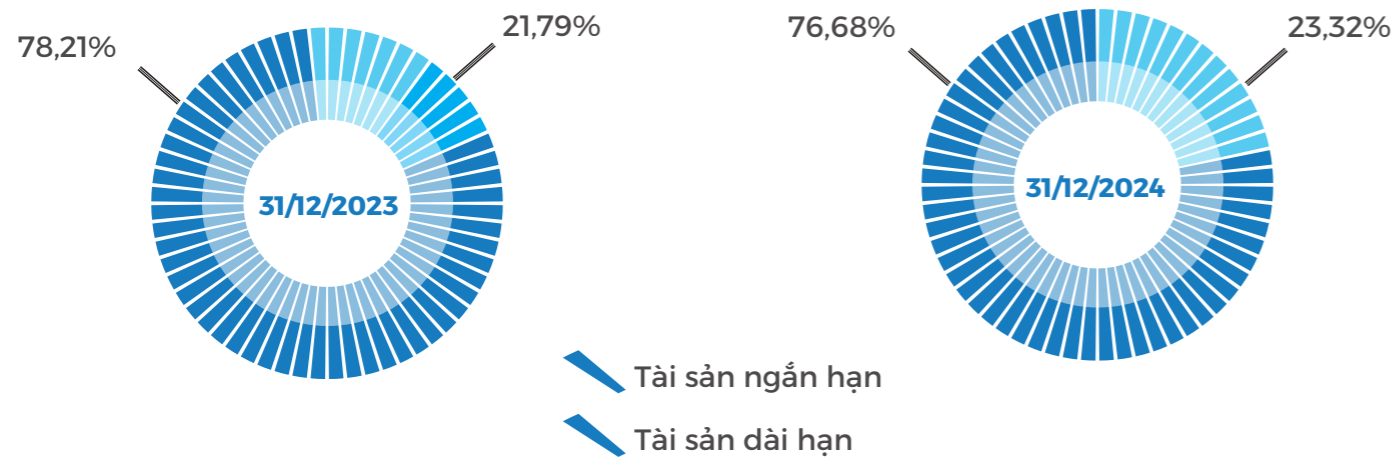
Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2024		%2024 /2023
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	
Tài sản ngắn hạn	415.221	78,21%	385.417	76,68%	92,82%
Tài sản dài hạn	115.699	21,79%	117.187	23,32%	101,29%
Tổng tài sản	530.920	100%	502.604	100%	94,67%

Tổng tài sản của Công ty có sự phân bổ tập trung vào tài sản ngắn hạn, chiếm 76,68% tổng tài sản. Trong đó, hàng tồn kho đóng vai trò chủ đạo, phản ánh đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực bán lẻ.

Trong năm 2024, tài sản ngắn hạn của CMV ghi nhận mức giảm từ 415.221 triệu đồng xuống còn 385.417 triệu đồng. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm này là do Công ty đã sử dụng tiền mặt để thanh toán các khoản vay nợ ngắn hạn, nhằm giảm áp lực tài chính và tối ưu hóa cơ cấu vốn. Bên cạnh đó, khoản phải thu ngắn hạn khác cũng giảm 7.468 triệu đồng, giảm 42,2% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do các nhà cung cấp của CMV thay đổi chính sách chiết khấu hàng hóa, vì thế khoản mục này cũng tác động đáng kể đến mức giảm của tài sản ngắn hạn. Ngoài ra, các khoản mục hạn khác trong tài sản ngắn hạn vẫn duy trì sự ổn định, không có biến động đáng kể, cho thấy khả năng quản lý tài chính hiệu quả và sự chủ động trong kiểm soát nguồn lực của Công ty.

Về tài sản dài hạn, Công ty chủ yếu sở hữu hệ thống cửa hàng bán lẻ, trang thiết bị kinh doanh và hạ tầng phục vụ hoạt động vận hành. Trong năm qua, giá trị tài sản dài hạn ghi nhận mức tăng nhẹ 1,29%, chủ yếu Công ty đã thực hiện các khoản đầu tư vào hệ thống phòng cháy chữa cháy tại cửa hàng và kho xăng, cùng với việc bổ sung thêm 02 xe tải nhằm nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa. Việc tập trung đầu tư vào cơ sở hạ tầng và tối ưu hóa vận hành không chỉ giúp Công ty nâng cao hiệu suất kinh doanh mà còn củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường.



Tình hình nợ phải trả

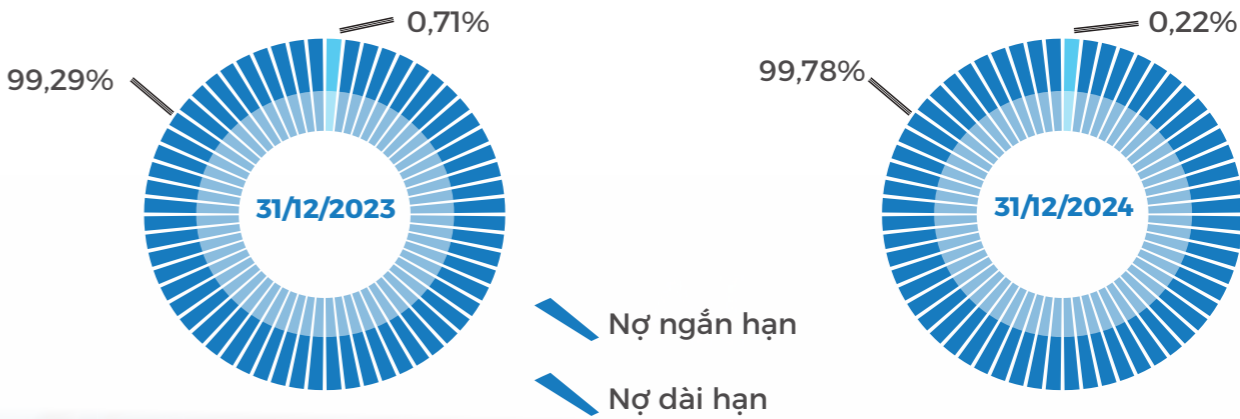
Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2024		%2024 /2023
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	
Nợ ngắn hạn	284.034	99,29%	255.972	99,78%	90,12%
Nợ dài hạn	2.044	0,71%	555	0,22%	27,15%
Tổng nợ phải trả	286.078	100%	256.527	100%	89,67%

Trong năm 2024, nợ ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng cao, chiếm 99,78% tổng nguồn vốn của CMV. Cấu trúc nợ của công ty vẫn duy trì tính ổn định, với phần lớn vốn vay tập trung vào các khoản nợ ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để đáp ứng nhu cầu tài chính trong ngắn hạn, Công ty đã vay vốn chủ yếu từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) với tổng giá trị là 178.915 triệu đồng. Các khoản vay này giúp đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh công ty mở rộng danh mục sản phẩm và tối ưu hàng tồn kho.

Tuy nhiên, CMV đã chủ động giảm 10,64% nợ vay ngắn hạn so với năm 2023 nhằm tối ưu hóa chi phí tài chính, cải thiện khả năng thanh toán và nâng cao hiệu quả hoạt động. Động thái này không chỉ giúp Công ty giảm thiểu rủi ro tài chính mà còn tạo tiền đề cho một cấu trúc vốn bền vững hơn trong dài hạn.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI 2025

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2024	KH2025	%KH2025/TH2024
1	Doanh thu thuần	4.600.285	4.600.000	100%
2	Lợi nhuận trước thuế	17.752	15.000	85%
3	Lợi nhuận sau thuế	13.276	12.000	90%

Kế hoạch đầu tư

Xây dựng cải tạo, sửa chữa, đầu tư trang thiết bị và phương tiện năm 2025 tập trung vào các hạng mục chính sau:

Kế hoạch đầu tư mới

40.354

triệu đồng

Kế hoạch mua mới và sửa chữa

5.574

triệu đồng

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường mà còn chủ động xây dựng nhiều giải pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên như điện, nước và kiểm soát khí thải.

CMV đã đầu tư vào hệ thống luân chuyển hàng hóa tối ưu, giúp giảm thiểu phát thải khí nhà kính từ phương tiện vận chuyển. Đồng thời, công ty tích cực triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng như lắp đặt thiết bị tiết kiệm điện, thường xuyên kiểm tra hệ thống điện và nâng cao ý thức sử dụng điện hợp lý trong toàn thể nhân viên.

Về tiêu thụ nước, CMV áp dụng các thiết bị hiện đại như hệ thống tự động ngắt nước và vòi chảy chậm, đồng thời tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho nhân viên. Công ty cũng duy trì kiểm tra chất lượng nguồn nước định kỳ, đảm bảo an toàn và giảm thiểu lãng phí.

Những nỗ lực này không chỉ giúp CMV tối ưu chi phí hoạt động mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm với môi trường và cộng đồng, hướng tới phát triển bền vững và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường sống.



Đánh giá liên quan đến các vấn đề về người lao động

CMV luôn xem nguồn nhân lực là tài sản quý giá và nền tảng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, công ty đã xây dựng chính sách lương thưởng công bằng, minh bạch và cạnh tranh, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Chính sách lương thưởng của CMV không chỉ tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp mà còn linh hoạt điều chỉnh theo hiệu quả làm việc và thành tích cá nhân, tạo động lực để nhân viên cống hiến và phát triển.

Bên cạnh đó, CMV chú trọng tạo dựng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh. Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, cung cấp các phúc lợi đa dạng như phụ cấp, khen thưởng, du lịch và các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân viên. Đồng thời, CMV cũng nỗ lực lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân viên để điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách nhân sự, từ đó tạo ra một môi trường làm việc tích cực và gắn kết.

Ngoài ra, công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua các khóa học nội bộ và các buổi đào tạo chuyên sâu về bán hàng, marketing và nhiều lĩnh vực liên quan khác. Các chương trình này không chỉ giúp cập nhật kiến thức, kỹ năng mới mà còn tạo điều kiện để nhân viên phát huy tối đa tiềm năng, nâng cao hiệu suất làm việc và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau luôn xem trách nhiệm xã hội là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty không chỉ tập trung vào hiệu quả kinh doanh mà còn tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng tại địa phương.

CMV thường xuyên tổ chức các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ giáo dục và y tế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Các hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội của công ty mà còn khuyến khích nhân viên tham gia, góp phần lan tỏa giá trị tích cực đến cộng đồng.

Ngoài ra, công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc thân thiện và gắn kết thông qua các hoạt động team-building, workshop và các chương trình văn hóa, thể thao. Điều này không chỉ tăng cường sự gắn kết nội bộ mà còn thể hiện cam kết của CMV trong việc phát triển con người toàn diện, đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố:

- Để khuyến khích và thu hút thêm các nhân viên tiềm năng, Công ty đã có sự thay đổi về chính sách thưởng doanh số cho nhân viên.
- Công ty đầu tư tăng tài sản cố định, phương tiện giao hàng khiến chi phí khấu hao tăng.
- Các nhà cung cấp liên tục cắt giảm hạn mức chiết khấu, khiến Công ty đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn.

Với sự phục hồi kinh tế trong năm 2024, doanh thu của Công ty đã ghi nhận mức tăng trưởng 8,18% so với năm 2023. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 14.525 triệu đồng, giảm 35% so với cùng kỳ và chỉ đạt 72% kế hoạch đề ra. Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp phải nhiều khó khăn, cụ thể là chi phí bán hàng tăng cao bởi chính sách thưởng doanh số cho đội ngũ nhân viên bán hàng, Công ty đã có sự chủ động tiết giảm các chi phí khác như chi phí tài chính (-9,84%), chi phí quản lý doanh nghiệp (-30,4%) trong năm vừa qua.

Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao tinh thần trách nhiệm xã hội và cam kết vì cộng đồng của Công ty thông qua các hoạt động hỗ trợ địa phương và bảo vệ môi trường. Công ty đã có nhiều nỗ lực thiết thực như tối ưu hóa quy trình vận chuyển, tiết kiệm năng lượng, nâng cao nhận thức của nhân viên về bảo vệ môi trường và giảm thiểu rác thải. Những hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm đạo đức mà còn góp phần xây dựng uy tín thương hiệu, tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển lâu dài của Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

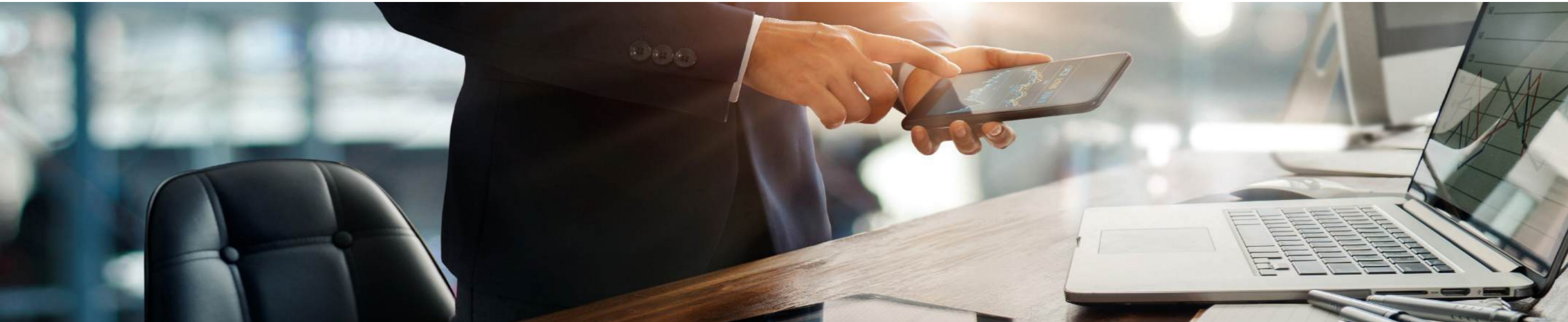
Hội đồng quản trị đánh giá cao sự lãnh đạo, quản lý linh hoạt và quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Dưới sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã không ngừng mở rộng thị trường, củng cố vị thế thương hiệu tại địa phương và dần tiến ra các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Đồng thời, của Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực tối ưu hóa chi phí, quản lý rủi ro hiệu quả và đảm bảo duy trì ổn định hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường biến động phức tạp.

Bên cạnh đó, sự linh hoạt trong việc ứng phó trước các biến động của thị trường và những khó khăn nội tại đã giúp Công ty duy trì dòng tiền ổn định, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn. Các giải pháp cải tiến quản trị, đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị cũng ghi nhận tinh thần trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tham gia tích cực vào các hoạt động vì cộng đồng. Những nỗ lực này không chỉ giúp xây dựng hình ảnh doanh nghiệp có trách nhiệm mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với sự lãnh đạo đúng đắn và tâm huyết của Ban Tổng Giám đốc, Công ty sẽ tiếp tục phát triển ổn định và đạt được các mục tiêu đề ra trong thời gian tới.



CÁC KẾ HOẠCH,
ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	%KH2025 / TH2024
1	Vốn điều lệ	181.558	181.558	100%
2	Doanh thu thuần	4.600.285	4.600.000	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	17.752	15.000	85%
4	Lợi nhuận sau thuế	13.276	12.000	90%

“*Luôn luôn đồng hành*
Luôn luôn sẻ chia”

Kế hoạch năm 2025

- Trong năm 2025, Công ty đặt mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh theo chỉ tiêu do Đại hội đồng Cổ đông đề ra, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát hiệu quả hoạt động để tối ưu hóa nguồn lực và gia tăng giá trị vốn.
- Công ty cũng chú trọng xử lý các tồn đọng trong công tác đầu tư và quản lý đất đai nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và tối ưu hóa tài sản.
- Việc đẩy mạnh chuyển đổi số được triển khai thông qua hiện đại hóa trụ bơm, tích hợp phần mềm quản lý bán hàng tại các cửa hàng xăng dầu và thực hiện xuất hóa đơn điện tử nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công ty chủ động tìm kiếm cơ hội mở rộng hệ thống phân phối, gia tăng thị phần và nâng cao vị thế cạnh tranh
- Công ty chú trọng kiện toàn bộ máy nhân sự, đẩy mạnh đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo thu nhập cho người lao động và quyền lợi của cổ đông. Không chỉ tập trung vào kinh doanh, công ty còn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.
- Công ty cam kết tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản.
- Nâng cao năng lực quản trị cũng là trọng tâm, giúp công ty phát triển bền vững, thích ứng linh hoạt với thị trường

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị công ty gồm 07 người, gồm:
Chủ tịch HĐQT, 04 Thành viên HĐQT điều hành và 02 Thành viên độc lập HĐQT.

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	647.419	3,57%
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
5	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	-
7	Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên HĐQT	-	-

Thành viên Hội đồng quản trị được phân công, phân nhiệm rõ ràng, phụ trách quản trị, định hướng mảng hoạt động phù hợp với chuyên môn và kinh nghiệm quản trị của mình

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN TUẦN QUỲNH - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh 1964
Trình độ chuyên môn Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Phó trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Quá trình công tác

- » 1988 - 1992 Phòng tổ chức cán bộ Tổng kho xăng dầu Nhà Bè - Công ty xăng dầu Khu vực II
- » 1993 - 2009 Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
- » 2009 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM và DV Long Hưng
- » 2010 - 2011 Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty vận tải dầu khí Mekong
- » 2011 - nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty vận tải dầu khí Mekong
- » 05/05/2018 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Bà NGUYỄN THỊ HIỀN - Thành viên HĐQT

Năm sinh 1975
Trình độ chuyên môn Cao đẳng Kinh tế đối ngoại - Kỹ thuật viên xăng dầu

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Giám đốc Công ty TNHH TM DV Long Hưng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Quá trình công tác

- » 1992 - 1994 Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex
- » 1993 - 2009 Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
- » 2005 - nay Giám đốc Công ty TNHH TM DV Long Hưng
- » 05/05/2018 - nay Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Bà NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH - Thành viên HĐQT

Năm sinh 1956
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Cá nhân: 647.419 CP chiếm 3,57% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác

- » 06/1975 - 08/1978 Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau
- » 08/1978 - 11/1982 Kế toán trưởng cửa hàng Bách hóa tổng hợp thị xã Cà Mau
- » 11/1982 - 2007 Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là CTCP Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó TGD, TGD Công ty
- » 11/2007 - 05/2018 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGD CTCP Thương nghiệp Cà Mau
- » 05/2018 - 30/06/2023 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm TGD CTCP Thương nghiệp Cà Mau
- » 27/05/2023 - nay Thành viên HĐQT tại CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Ông NGUYỄN VĂN CẢNH - Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh 1961
Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Quá trình công tác

- » 24/06/2022 - nay Thành viên HĐQT độc lập CTCP Thương nghiệp Cà Mau

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Giới thiệu Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

Ông NGUYỄN VĂN KHÁNH - Thành viên HĐQT Độc lập

Năm sinh

1982

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác
- »

Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Vĩnh Hoàn
- »

Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh CTCP chứng khoán Bảo Việt
- »

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Thủy sản Cà Mau
- »

Thành viên HĐQT CTCP In Bạc Liêu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Quá trình công tác

- »

2006 - 2008

Phó phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kho vận Thương mại Sài Gòn.
- »

2008 - 2011

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
- »

2008 - 2015

Phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
- »

2012 - nay

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
- »

2015 - nay

Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
- »

2020 - nay

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
- »

2020 - nay

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau
- »

2024 - nay

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần In Bạc Liêu

ÔNG NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG - Thành viên HĐQT

Năm sinh

1995

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Luật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Quá trình công tác

- »

27/05/2023 - nay

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Ông HOÀNG ANH DŨNG - Thành viên HĐQT

Năm sinh

1976

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế đầu tư Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Phó trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

Cá nhân: không
Đại diện sở hữu: 2.936.024 CP, chiếm 16,17% VDL, là đại diện của PVOIL tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Quá trình công tác

- »

9/1999 - 9/2000

Nhân viên Công ty TNHH Bình Minh tại Hà Nội
- »

01/2022 - 9/2009

Chuyên viên, phó Ban, Trưởng Ban PTKD Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PetroSetco)
- »

10/2009

Chủ tịch Hội đồng Liên doanh Nhà máy sản xuất vỏ bình khí PetroSetco
- »

09/2011 - nay

Chuyên viên Chính 2, Phó Trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP
- »

06/2021 - nay

Thành viên HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia khóa học về quản trị công ty tổ chức trước đây.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong các công tác sau:

- » Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đề ra chiến lược kinh doanh và các giải pháp thực hiện kịp thời, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- » Giám sát, chỉ đạo công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của công ty.
- » Xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2024 của công ty mẹ và các công ty con.
- » Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 25/5/2024.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	TV HĐQT	03/04	75%	
3	Nguyễn Thị Hiền	TV HĐQT	04/04	100%	
4	Nguyễn Văn Khánh	TV HĐQT độc lập	04/04	100%	
5	Nguyễn Văn Cảnh	TV HĐQT độc lập	04/04	100%	
6	Hoàng Anh Dũng	TV HĐQT	04/04	100%	
7	Nguyễn Hoàng Bảo Long	TV HĐQT	04/04	100%	

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2024, thành viên độc lập HĐQT nhận định chung như sau:
- » HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.
 - » Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ và xây dựng hệ thống quản lý đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.
 - » Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.
 - » HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
 - » Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của BDH, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BDH tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh đầu tư phát triển trong hoạt động kinh doanh trong năm 2024.
 - » Nhìn chung, năm 2024 mặc dù chịu ảnh hưởng rất lớn từ chiến tranh Nga-Ukraine, lạm phát các quốc gia tăng cao dẫn đến chính sách tiền tệ thắt chặt ở Mỹ và Châu Âu nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết HĐQT xây dựng và phân đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024, đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

“*Luôn luôn đồng hành*
Luôn luôn sẻ chia”

Các nghị quyết của HĐQT năm 2024

SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01/2024/NQ-HĐQT	06/03/2024	Thông qua nội dung liên quan đến triển khai xuất hóa đơn theo từng lần giao dịch tại các cửa hàng xăng dầu của Công ty theo quy định;
		Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (số liệu công ty mẹ) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
		Thông qua định biên lao động và kế hoạch quỹ lương năm 2024;
		Thông qua Kế hoạch đầu tư, cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện thủ tục phòng cháy chữa cháy (PCCC) năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
		Thông qua việc chuyển tên chín (09) phần đất Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau;
		Thông qua Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ năm 2023 và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024;
02/2024/NQ-HĐQT	22/05/2024	Thông qua việc mở rộng hoạt động tín dụng với ngân hàng thứ 3 hạn mức 100 tỷ đồng;
		Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
		Thông qua kế hoạch ĐHCĐ Thường niên năm 2024;
		Thông qua việc thay đổi Người đại diện của Camex tại Công ty CP In Bạc Liêu đồng thời giao Tổng Giám đốc Camex có văn bản thông báo đến Công ty CP In Bạc Liêu đề nghị Công ty CP In Bạc Liêu thực hiện các thủ tục theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty để bầu bổ sung thay thế Người đại diện của Camex tham gia HĐQT Công ty.
03/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	Thông qua điều chỉnh một số nội dung dự thảo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để trình ĐHCĐ thông qua;
		Thông qua Tờ trình về việc Ủy quyền cho Công ty thực hiện thế chấp tài sản và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch quan hệ tín dụng năm 2024.
04/2024/NQ-HĐQT	06/11/2024	Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, xây dựng, sửa chữa trụ sở làm việc mới tại địa chỉ số 7 đường Đề Thám, Phường 2, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.
		Thông qua việc chia cổ tức năm 2023
05/2024/NQ-HĐQT	06/11/2024	Thông qua điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	110.000	0,61%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

THÔNG TIN THÀNH VIÊN

Ông NGUYỄN ANH TUẤN - Trưởng BKS

Năm sinh

1970

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

» Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Tuệ Việt

» Kế toán trưởng Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Long Hưng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Không có

Quá trình công tác

- » 1998 - 2022 Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Xây dựng Việt Pháp
- » 2022 - 2006 Phụ trách kế toán khu vực miền Đông Nam Bộ - Công ty TNHH Công nghiệp Gốm Bạch Mã (White House)
- » 2007 - 2021 Phó Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành Công ty TNHH Kỹ Thuật Tuệ Việt
- » 9/2022 - nay Phụ trách kế toán - Công ty TNHH TMDV Long Hưng
- » 6/2023 - Nay Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Ông TRẦN CHÍ HIẾU - Thành viên BKS

Năm sinh

1962

Trình độ chuyên môn

Đại học Tài chính - Kế toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Cá nhân: 110.000 CP, chiếm 0.61%

Quá trình công tác

- » 09/1981 - 04/1997 Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- » 05/1997 - 11/2007 Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt
- » 05/05/2018 - nay Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thương Nghiệp Cà Mau

Ông NGÔ THẾ ANH - Thành viên BKS

Năm sinh

1983

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Luật

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

Không có

Quá trình công tác

- » 7/2006 - 5/2008 Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh
- » 5/2008 - 2/2011 Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)
- » 2018 - nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc trong các công tác sau:
- » Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
 - » Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.
 - » Giám sát hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của công ty năm 2024.
 - » Thẩm tra các báo cáo tài chính quý.
 - » Giám sát việc thực thi công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của công ty.

Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- 01
- Trong năm 2024 Ban kiểm soát đã được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban kiểm soát.
- 02
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát của mình. Cử các cán bộ chủ chốt của công ty tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính, giải trình đầy đủ khi có yêu cầu.

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP BKS THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT, TGD, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên không thực hiện giao dịch cổ phiếu nội bộ.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH*, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	Công ty mẹ	0303937088 ngày cấp 28/05/2005 nơi cấp: TPHCM	20 Nguyễn Thị Huỳnh, P8, Q. Phú Nhuận, TP HCM	Mua hàng với giá trị GD = 865.952.273.319 đồng

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CMV) luôn coi trọng công tác quản trị và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, điều lệ cùng quy chế nội bộ, nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và nhà đầu tư, đồng thời thúc đẩy hoạt động kinh doanh hiệu quả, minh bạch. Để hiện thực hóa mục tiêu này, CMV tập trung vào việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và rõ ràng về hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát. Bên cạnh đó, công ty không ngừng hoàn thiện bộ máy quản trị phù hợp với giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo để nâng cao năng lực quản trị cho ban lãnh đạo. Nhờ những nỗ lực này, CMV đã xây dựng được một hệ thống quản trị chặt chẽ, minh bạch, góp phần gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông và nhà đầu tư.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG CƠ BẢN	THÙ LAO		THƯỞNG	CỔ TỨC	KHÁC
Hội đồng quản trị								
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000		-	-	-
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000		-	246.019.220	-
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000		-	-	-
4	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000		-	-	-
5	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000		-	-	-
6	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000		-	-	-
7	Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên HĐQT	-	60.000.000		-	-	-
Ban điều hành								
1	Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám đốc	738.350.000	-		28.970.000	-	-
2	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc	458.837.617	-		19.914.000	38.000.000	-
3	Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	473.347.162	-		19.914.000	11.573.280	-
4	Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng giám đốc	319.333.500	-		14.935.500	-	24.000.000
5	Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng	216.114.427	-		9.073.760	-	14.000.000
Ban kiểm soát								
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	-	48.000.000		-	-	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	36.000.000		-	41.800.000	-
3	Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000		-	-	-
Tổng cộng			2.205.982.706	564.000.000		92.807.260	337.392.500	38.000.000

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty Mẹ và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu – Công ty con) (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”).

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 637/NĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

Mã chứng khoán : CMV.
Vốn điều lệ : 181.558.680.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 70 – 72 Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : + 84-(290) 383 92 20
Fax : + 84-(290) 383 43 58

3. Cấu trúc Tập đoàn

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san...	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	82/4, đường Trần Phú, phường 7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	09/A Đường quản lộ Phụng Hiệp, Khóm 1, Phường 1, TX Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Năm Căn	607, đường Nguyễn Tất Thành, Khóm Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng; Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát; Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái/bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long	Chủ tịch	06/01/2025	
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch		06/01/2025
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên		
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên		
Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên		06/01/2025

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên
Ông Ngô Thế Anh	Thành viên

5.3. Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Thanh Điền	Trưởng ban
Bà Phùng Thủy Ngân	Thành viên

5.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám đốc		
Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng		

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Hữu Long – Tổng Giám đốc.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 55.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HDQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2025.

TM. Hội đồng quản trị



NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2025, từ trang 08 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn (Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1523-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2839-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		385.417.022.612	415.221.272.393
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	32.702.751.498	57.293.717.007
111	1. Tiền		30.702.751.498	53.293.717.007
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	4.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.404.000.000	6.404.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	6.404.000.000	6.404.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		85.080.600.789	100.797.952.384
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	66.691.839.517	74.592.882.706
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	9.911.835.530	9.989.590.321
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	10.200.972.271	17.668.841.985
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.841.354.091)	(1.955.467.684)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	117.307.562	502.105.056
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	260.787.615.348	249.579.661.167
141	1. Hàng tồn kho		260.805.009.673	249.579.661.167
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.394.325)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		442.054.977	1.145.941.835
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	312.821.487	366.440.056
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	651.268.289
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	129.233.490	128.233.490
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		117.187.312.889	115.698.789.573
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.156.853.730	5.396.996.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	6.156.853.730	5.396.996.000
220	II. Tài sản cố định		89.089.166.252	85.419.826.659
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	53.913.523.752	50.160.689.287
222	- Nguyên giá		173.493.237.986	162.990.799.971
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(119.579.714.234)	(112.830.110.684)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	35.175.642.500	35.259.137.372
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	37.148.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.973.324.163)	(1.889.829.291)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.129.502.855	1.270.439.214
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	2.129.502.855	1.270.439.214
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	5.254.163.100	4.550.890.600
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.245.414.100)	(3.948.686.600)
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.557.626.952	19.060.637.100
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	14.230.564.646	18.638.468.340
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.13	327.062.306	422.168.760
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		502.604.335.501	530.920.061.966

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		256.527.362.466	286.078.382.025
310	I. Nợ ngắn hạn		255.972.362.466	283.817.538.225
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	46.746.933.864	51.634.174.650
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	311.496.771	101.634.467
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	3.904.286.786	2.859.273.073
314	4. Phải trả người lao động	V.17	7.926.689.528	7.635.255.387
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	7.860.725.652	5.246.817.270
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	977.154.218	886.809.309
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.20a	4.152.426.184	4.202.979.177
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21	178.915.771.127	206.542.626.606
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.22	1.635.311.529	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	3.541.566.807	4.707.968.286
330	II. Nợ dài hạn		555.000.000	2.260.843.800
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.20b	555.000.000	150.000.000
341	2. Dự phòng phải trả dài hạn		-	2.110.843.800
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		246.076.973.035	244.841.679.941
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.24	246.076.973.035	244.841.679.941
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.558.680.000	181.558.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.558.680.000	181.558.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.578.837.745	1.578.837.745
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.637.790.000	1.637.790.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		33.579.153.164	32.099.078.616
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.002.075.599	21.762.344.309
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		11.539.848.013	5.099.675.375
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.462.227.586	16.662.668.934
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.720.436.527	6.204.949.271
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		502.604.335.501	530.920.061.966

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







LIỀU HÀ MY

NGUYỄN THỦY ÁI

NGUYỄN HỮU LONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.609.119.646.920	4.260.772.905.349
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	144.536.870	131.347.161
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.608.975.110.050	4.260.641.558.188
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	4.420.079.464.757	4.089.965.708.298
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		188.895.645.293	170.675.849.890
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	2.440.418.680	2.578.039.051
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	9.298.938.442	10.313.987.425
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.861.494.442	10.009.021.693
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	164.300.401.568	136.211.033.382
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	17.352.134.353	24.930.393.422
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		384.589.610	1.798.474.712
31	12. Thu nhập khác	VI.8	14.246.830.289	18.660.118.675
32	13. Chi phí khác	VI.9	105.997.987	281.561.715
40	14. Lợi nhuận khác		14.140.832.302	18.378.556.960
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.525.421.912	20.177.031.672
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	4.452.600.616	5.798.454.949
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	95.106.454	(422.168.760)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.977.714.842	14.800.745.483
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		11.462.227.586	16.662.668.934
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(1.484.512.744)	(1.861.923.451)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12a	568	836
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.12b	568	836

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LIÊU HÀ MY

NGUYỄN THỦY ÁI

NGUYỄN HỮU LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		14.525.421.912	20.177.031.672
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.268.486.332	19.454.185.124
02	2. Điều chỉnh các khoản	V.9-10	9.450.461.024	8.050.296.469
03	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.5-12	(1.275.524.039)	1.822.481.258
04	- Các khoản dự phòng		-	-
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.767.945.095)	(427.614.296)
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.5	9.861.494.442	10.009.021.693
07	- Chi phí lãi vay		-	-
08	- Các khoản điều chỉnh khác		30.793.908.244	39.631.216.796
09	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.869.478.556	(4.184.284.796)
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu	V.8	(11.225.348.506)	(30.122.044.673)
11	- Tăng, giảm hàng tồn kho		751.997.698	(27.848.431.976)
12	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	V.9	4.461.522.263	(776.299.986)
13	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
14	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(9.908.765.127)	(9.906.158.732)
15	- Tiền lãi vay đã trả	V.16	(4.634.164.818)	(5.094.941.891)
16	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
17	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.23	(2.034.631.756)	(898.389.243)
18	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		24.073.996.554	(39.199.334.501)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
21	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(14.686.064.884)	(10.439.286.827)
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.12	285.454.545	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.9	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	5.000.000.000
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.5a-VI.4	654.791.195	675.563.988
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(13.745.819.144)	(9.763.722.839)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	-
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	1.961.891.097.087	1.776.226.794.443
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(1.989.517.952.566)	(1.704.179.839.819)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.24	(7.292.287.440)	(18.428.440.275)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(34.919.142.919)	53.618.514.349
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(24.590.965.509)	4.655.457.009
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		57.293.717.007	52.638.259.998
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	32.702.751.498	57.293.717.007

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LIÊU HÀ MY

NGUYỄN THỦY ÁI

NGUYỄN HỮU LONG

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty mẹ và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu – Công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, doanh thu thuần của Tập đoàn tăng 8,2% nhưng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 28% so với năm trước do các chính sách chiết khấu, thưởng doanh số, hỗ trợ từ nhà cung cấp trong năm có thay đổi nên chi phí chiết khấu, chi phí nhân viên các ngành hàng tăng cao và Công ty đầu tư tăng tài sản cố định, phương tiện giao hàng khiến chi phí khấu hao tăng dẫn đến chi phí bán hàng tăng 20%.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần In Bạc Liêu – Công ty con, trong năm Công ty cắt giảm nhân sự và quyết định tạm ngừng hoạt động in ấn kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 là doanh thu chính của Công ty.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (Xem thuyết minh IV.6b)

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chỉ tập san...	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tập đoàn không có công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

6d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6e. Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

6f. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6g. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6h. Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	82/4, đường Trần Phú, phường 7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	09/A Đường quản lộ Phụng Hiệp, Khóm 1, Phường 1, TX Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Năm Căn	607, đường Nguyễn Tất Thành, Khóm Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 649 nhân viên đang làm việc tại các công ty con trong Tập đoàn (số đầu năm là 665 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

4. Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Tập đoàn không phát sinh chiết khấu dòng tiền.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 49-50 năm.

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 15 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền Bảo hiểm đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền Bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được Bảo hiểm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Quỹ lương

- Quỹ lương trích theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2024/NQ-HDQT ngày 06 tháng 03 năm 2024 thông qua kế hoạch định biên lao động và quỹ lương năm 2024. Theo đó, Quỹ lương được trích theo đơn giá tiền lương 8.500.000 VND x 12 tháng x 612 người.

- Công ty con được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 12 tháng 05 năm 2024 tổng quỹ lương kế hoạch năm 2024 là 5.040.000.000 VND. Công ty xác định quỹ lương năm 2024 với số tiền 3.603.272.880 VND. Số lượng lao động định biên không vượt quá 70 người. Số lao động thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 57 người, số lao động bình quân 12 tháng là 55 người.

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Báo cáo tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức chính thức.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là hàng bách hóa, xăng dầu,...

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty mẹ và các Công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời

chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Số liệu so sánh

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu, Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại cho phù hợp với tỷ lệ trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2024. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	826	836	10
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	826	836	10

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	15.942.042.665	34.141.637.479
Tiền gửi ngân hàng	14.760.708.833	19.152.079.528
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	32.702.751.498	57.293.717.007

Tập đoàn không có tiền gửi ngân hàng phong tỏa, cầm cố để đảm bảo vay.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với số tiền 1.404.000.000 VND được sử dụng để cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.21).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	8.499.577.200	(3.245.414.100)	5.254.163.100	8.499.577.200	(3.948.686.600)	4.550.890.600
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000	-	21.500.000
Tổng Công ty CP TM KT & Đầu tư Petec	4.186.371.000	(2.611.498.100)	1.574.872.900	4.186.371.000	(3.309.226.600)	877.144.400
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	312.000.000	(181.999.800)	130.000.200	312.000.000	(182.593.800)	129.406.200
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	426.000.000	(194.454.000)	231.546.000	426.000.000	(207.000.000)	219.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	553.706.200	(257.462.200)	296.244.000	553.706.200	(249.866.200)	303.840.000
Cộng	8.499.577.200	(3.245.414.100)	5.254.163.100	8.499.577.200	(3.948.686.600)	4.550.890.600

(*) Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu, giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024;

– Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.948.686.600)	(3.790.091.100)
Trích lập dự phòng	(310.746.200)	(681.201.400)
Hoàn nhập dự Phòng	1.014.018.700	522.605.900
Số cuối năm	(3.245.414.100)	(3.948.686.600)

Tập đoàn không có Đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Cam kết góp vốn

Tập đoàn không có cam kết góp vốn trong tương lai.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu các khách hàng của nhóm hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	66.691.839.517	74.592.882.706
Phải thu khách hàng Xăng dầu	793.940.384	4.292.992.260
Phải thu khách hàng Bách hóa	63.117.145.171	67.455.712.651
Phải thu khách hàng kim khí điện máy	1.797.908.000	2.035.256.001
Các khách hàng khác	982.845.962	808.921.794
Cộng	66.691.839.517	74.592.882.706

Công ty Mẹ thế chấp toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	2.124.000
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – CN Cà Mau	-	2.124.000
Trả trước cho các khách hàng khác	9.911.835.530	9.987.466.321
CN Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (Việt Nam) tại TP. Cần Thơ	2.105.314.465	-
Công ty TNHH XD - PCCC Oanh Liệt (*)	1.078.309.692	789.408.660
Công ty TNHH DKSH Việt Nam	867.526.852	678.956.416
Các khách hàng khác	5.860.684.521	8.519.101.245
Cộng	9.911.835.530	9.989.590.321

(*) Là khoản ứng trước về việc thiết kế trình thẩm duyệt và cung cấp, thi công, lắp đặt hệ thống PCCC tại các cửa hàng, chi nhánh của Công ty.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.200.972.271	-	17.668.841.985	-
Ký cược, ký quỹ	4.790.937.040	-	5.432.210.000	-
Phải thu các khoản chiết khấu, thưởng từ nhà cung cấp	2.915.767.070	-	11.265.638.738	-
Tạm ứng	2.154.616.192	-	513.755.040	-
- Trần Công Đăng	1.762.953.772	-	234.079.340	-
- Cá nhân khác	391.662.420	-	279.675.700	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	202.228.773	-	75.336.164	-
Phải thu ngắn hạn khác	137.423.196	-	381.902.043	-
Cộng	10.200.972.271	-	17.668.841.985	-

Trong đó:

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Ký quỹ, ký cược

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về ký cược, ký quỹ các tổ chức và cá nhân khác	4.790.937.040	5.432.210.000
Công ty CP HH Vedan Việt Nam	1.120.000.000	2.240.000.000
CN Công ty CP Acecook VN tại Tp Cần Thơ	1.176.000.000	973.000.000
CN Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (VN) tại Tp Cần Thơ	992.250.000	212.730.000
Công ty CP Sữa Vinamilk Việt Nam tại Tp Cần Thơ	540.000.000	532.000.000
Các khách hàng khác	962.687.040	1.474.480.000
Cộng	4.790.937.040	5.432.210.000

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược vỏ bia, nước giải khát và pallet.

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.156.853.730	-	5.396.996.000	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	5.323.057.000	-	4.935.685.000	-
Phải thu khác	833.796.730	-	461.311.000	-
Cộng	6.156.853.730	-	5.396.996.000	-

Tập đoàn không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng bách hóa	1.847.492.091	6.138.000	1.987.596.684	32.129.000
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Trà Kha	385.000.000	-	394.000.000	-
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Hộ Phòng	310.996.975	-	318.770.000	-
Cửa hàng Bách Hóa An Minh	198.175.110	-	212.150.005	-
Cửa Hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	453.079.486	-	455.079.486	-
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Sóc Trăng	182.000.000	-	198.000.000	-
Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh khác	318.240.520	6.138.000	409.597.193	32.129.000
Cộng	1.847.492.091	6.138.000	1.987.596.684	32.129.000

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.955.467.684)	(2.402.425.726)
Trích lập trong năm	(6.138.000)	(96.700.844)
Hoàn nhập dự phòng	120.251.593	543.658.886
Số dư cuối năm	(1.841.354.091)	(1.955.467.684)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu cuối năm đang chờ xử lý.

8. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.116.909.282	(17.394.325)	1.650.638.589	-
Công cụ, dụng cụ	80.101.585	-	75.622.438	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	259.607.998.806	-	247.853.400.140	-
Cộng	260.805.009.673	(17.394.325)	249.579.661.167	-

Trong đó:

- Công ty mẹ thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 127.647.601.486 VND (số đầu năm là 96.544.259.001 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(17.394.325)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(17.394.325)	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa xe, thay vỏ ruột xe	231.742.571	278.770.195
Chi phí bảo hiểm tài sản	37.804.238	24.777.573
Chi phí khác	43.274.678	62.892.288
Cộng	312.821.487	366.440.056

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	366.440.056	517.694.844
Tăng trong năm	2.404.605.693	1.572.821.636
Phân bổ trong năm	(2.458.224.262)	(1.724.076.424)
Số cuối năm	312.821.487	366.440.056

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	764.884.847	255.507.497
Tiền thuê đất (*)	5.597.275.685	5.823.463.121
Chi phí sửa chữa	7.170.432.406	12.379.008.337
Tiền thuê nhà	-	150.740.134
Chi phí khác	697.971.708	29.749.251
Cộng	14.230.564.646	18.638.468.340

(*) Theo các hợp đồng thuê đất, nhà kho như sau:

- Hợp đồng thuê đất của Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TV HĐQT (**), mục đích thuê xây kho cất chứa hàng bách hóa.
- Hợp đồng thuê đất số 02/HĐKT-2019 ngày 05 tháng 01 năm 2019.
 - Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
 - Theo Giấy chứng nhận số CP 544465 – CP 544466 – CP 544467 – CP 544468 – CP 544437 – CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019.
 - Diện tích: 538,5 m²
 - Giá trị hợp đồng: 4.440.000.000 VND
 - Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/12/2068).
- Hợp đồng thuê đất số 174/HĐKT-2018 ngày 31 tháng 7 năm 2017

- + Địa chỉ thuê: Dự án khu đô thị thứ Bảy, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
 - + Theo Giấy chứng nhận số CK 507114 – CK 507115 – CK 507116 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp ngày 25 tháng 08 năm 2017.
 - + Diện tích: 567,1 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 1.077.490.000 VND.
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 180 tháng (hết hạn ngày 31 tháng 12 năm 2032)
- Và các hợp đồng thuê khác.

(**) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Thành viên HĐQT ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 567,1 m², giá trị chuyển nhượng 1.077.490.000 VND.
2. Quyền sử dụng đất tại ấp 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 901,87 m², giá trị chuyển nhượng 7.770.000.000 VND.

Các Quyền sử dụng đất trên đã được chuyển quyền sở hữu cho Bà Nguyễn Thị Việt Anh theo các Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chi tiết như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
3. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
4. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
5. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
6. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
7. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507114 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
8. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507115 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
9. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507116 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189,1 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.638.468.340	17.710.913.566
Tăng trong năm	4.913.207.543	9.633.167.789
Phân bổ trong năm	(9.321.111.237)	(8.399.334.815)
Giảm khác	-	(306.278.200)
Số cuối năm	14.230.564.646	18.638.468.340

Công ty thế chấp tất cả Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên do Bà Nguyễn Thị Việt Anh được Công ty uỷ quyền đứng tên để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh mục V.21).

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	90.871.712.045	32.684.405.711	37.720.610.178	1.311.994.939	402.077.098	162.990.799.971
2. Tăng trong năm	3.122.007.600	-	8.516.427.845	1.481.365.172	-	13.119.800.617
Xây dựng cơ bản	3.122.007.600	-	8.516.427.845	1.481.365.172	-	13.119.800.617
3. Giảm trong năm	(723.300.870)	(1.262.675.369)	(555.750.000)	(75.636.363)	-	(2.617.362.602)
Giảm do thanh lý	(723.300.870)	(1.262.675.369)	(555.750.000)	(75.636.363)	-	(2.617.362.602)
4. Số cuối năm	93.270.418.775	30.706.730.342	46.396.288.023	2.717.723.748	402.077.098	173.493.237.986
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.275.399.154	23.202.021.341	15.389.653.242	1.236.358.576	402.077.098	59.505.509.411
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	56.793.671.184	28.726.545.907	25.598.466.556	1.311.994.939	399.432.098	112.830.110.684
2. Tăng trong năm	5.374.550.814	993.027.499	2.960.459.250	36.283.589	2.645.000	9.366.966.152
Tăng do khấu hao	5.374.550.814	993.027.499	2.960.459.250	36.283.589	2.645.000	9.366.966.152
3. Giảm trong năm	(723.300.870)	(1.262.675.369)	(555.750.000)	(75.636.363)	-	(2.617.362.602)
Giảm do thanh lý	(723.300.870)	(1.262.675.369)	(555.750.000)	(75.636.363)	-	(2.617.362.602)
4. Số cuối năm	61.444.921.128	28.456.898.037	28.003.175.806	1.272.642.165	402.077.098	119.579.714.234
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	34.078.040.861	3.242.859.804	12.837.143.622	-	2.645.000	50.160.689.287
2. Tại ngày cuối năm	31.825.497.647	2.964.832.305	18.393.112.217	1.445.081.583	-	53.913.523.752

Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 52.777.766 VND (Xem thuyết minh số V.21).
- Tập đoàn không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

11. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	849.221.480	849.221.480
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	1.040.607.811	849.221.480	1.889.829.291
2. Tăng trong năm	83.494.872	-	83.494.872
Tăng do khấu hao	83.494.872	-	83.494.872
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	1.124.102.683	849.221.480	1.973.324.163
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	35.259.137.372	-	35.259.137.372
2. Tại ngày cuối năm	35.175.642.500	-	35.175.642.500
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 17.900.854.324 VND (Xem thuyết minh số V.21).
- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	1.270.439.214	3.981.071.241	(3.122.007.600)	2.129.502.855
Nhà kho Năm Căn	1.094.957.400	-	-	1.094.957.400
Công trình PCCC kho Trà Kha	175.481.814	177.298.000	(352.779.814)	-
Tổng kho xăng dầu Định Bình	-	1.004.545.455	-	1.004.545.455
Hệ thống PCCC kho Bến tàu A	-	30.000.000	-	30.000.000
Hệ thống PCCC CHXD Cái Nai	-	1.605.910.225	(1.605.910.225)	-
Cụm bể ngầm CHXD Hưng Mỹ	-	1.163.317.561	(1.163.317.561)	-
Mua sắm TSCĐ	-	9.997.793.017	(9.997.793.017)	-
Cộng	1.270.439.214	13.978.864.258	(13.119.800.617)	2.129.502.855

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	422.168.760	(106.384.850)	11.278.396	327.062.306
Cộng	422.168.760	(106.384.850)	11.278.396	327.062.306

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp khác	46.746.933.864	51.634.174.650
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	14.166.317.137	13.104.006.639
CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ	5.574.488.874	4.845.635.522
Công ty TNHH Totalenergies LPG Việt Nam	4.811.325.614	9.484.104.431
Các khách hàng khác	22.194.802.239	24.200.428.058
Cộng	46.746.933.864	51.634.174.650

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác</i>	<i>311.496.771</i>	<i>101.634.467</i>
DNTN Lương Thanh Nhuận	221.491.600	-
DNTN Ngô Thanh Ngân	16.500.000	-
Các khách hàng khác	73.505.171	101.634.467
Cộng	311.496.771	101.634.467

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	839.065.214	12.476.760.243	(11.248.728.028)	-	2.067.097.429
Thuế thu nhập doanh nghiệp	127.800.000	2.005.919.059	4.452.600.616	(4.634.164.818)	127.800.000	1.824.354.857
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.288.800	693.237.818	(694.692.118)	-	12.834.500
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.990.495.688	(2.990.495.688)	-	-
Các loại thuế khác	433.490	-	49.000.000	(50.000.000)	1.433.490	-
Cộng	128.233.490	2.859.273.073	20.662.094.365	(19.618.080.652)	129.233.490	3.904.286.786

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	7.926.689.528	7.635.255.387
Cộng	7.926.689.528	7.635.255.387

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.860.725.652</i>	<i>5.246.817.270</i>
Chi phí lãi vay phải trả	162.926.652	210.197.337
Tiền thuê đất phải trả	1.213.451.600	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.484.347.400	5.036.619.933
Cộng	7.860.725.652	5.246.817.270

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>977.154.218</i>	<i>886.809.309</i>
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	668.972.400	677.718.400
Doanh thu trả trước tiền thuê nhà	308.181.818	209.090.909
Cộng	977.154.218	886.809.309

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

20. Phải trả ngắn hạn khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.152.426.184</i>	<i>4.202.979.177</i>
Phải trả về cổ phần hoá	213.502.269	213.502.269
Tài sản thừa chờ giải quyết	137.247.005	150.345.764
Kinh phí công đoàn	207.977.297	347.704.903
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.057.544.420	2.082.682.560
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.536.155.193	1.408.743.681
Cộng	4.152.426.184	4.202.979.177

20b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả tiền đặt cọc cho thuê nhà.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	555.000.000	150.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	555.000.000	150.000.000
Cộng	555.000.000	150.000.000

20c. Nợ quá hạn thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	178.915.771.127	178.915.771.127	206.542.626.606	206.542.626.606
Vay ngắn hạn ngân hàng	178.915.771.127	178.915.771.127	206.542.626.606	206.542.626.606
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Cà Mau ⁽¹⁾	110.832.221.286	110.832.221.286	116.545.674.467	116.545.674.467
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau ⁽²⁾	68.083.549.841	68.083.549.841	89.996.952.139	89.996.952.139
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	178.915.771.127	178.915.771.127	206.542.626.606	206.542.626.606

⁽¹⁾ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 44-2024/HĐ-CMA-QLN ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau.

- Hạn mức cho vay: 120.000.000.000 VND (Hạn mức cho vay bao gồm cả dư nợ vay của khách hàng tại ngân hàng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 15-2024/HĐCV-CMA-QLN ký ngày 14 tháng 3 năm 2024).

- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn vay nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức

- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

- Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 2 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay/ từng lần nhận nợ

- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng

- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V.8, V.9, V.10, V.11 và VIII.7):

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008 cho Công ty, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 05, địa chỉ khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 211,5 m² theo HĐTC số 44-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 01 tháng 6 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 537991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 04 tháng 6 năm 2018), thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.697,9 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 487003 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho Công ty, thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.870 m² theo Hợp đồng thế chấp số 46-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 06 tháng 6 năm 2018.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406710 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 10 tháng 12 năm 2010), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ tại khu dân cư Đại Lộc, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406714 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 11 năm 2010 cho Công ty, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích: 874,2 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Và căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 theo Hợp đồng thế chấp số 48-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 12 tháng 6 năm 2018.

+ Hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 87-2020/HĐTC-CMA-QLN ngày 16 tháng 3 năm 2020, cụ thể hàng hóa lưu tại các kho: Kho thuốc lá Bạc Liêu, Kho thuốc lá Cà Mau, Kho chi nhánh Kiên Giang, Kho Bách hóa An Minh, Kho Công nghệ thực phẩm Hộ Phòng, Kho Công nghệ thực phẩm Ngã Năm (3 kho), Kho hàng tiêu dùng Sóc Trăng, Kho hàng tiêu dùng Trà Kha, Kho hàng tiêu dùng Năm Căn.

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460331 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 11, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460332 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 12, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466641 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 13, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466642 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 14, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466643 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 15, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466644 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 16, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 155,5 m².

⁽²⁾ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 86005000.009/2024-HĐCVHM/NHCT860-CTYTHUONGNGHIEP ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau.

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND (Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 86005000.010/2023-HĐCVHM/NHCT860-CTY THƯƠNG NGHIỆP ngày 15/6/2023 ký giữa bên cho vay với bên vay theo liệt kê chi tiết tại Phụ lục I Hợp đồng này).
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2024 đến ngày 19 tháng 6 năm 2025.
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 2 tháng.
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V2a, V.3, V.8, V.9, V.10, V.11 và VIII.7):

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.001/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 10 tháng 5 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X242685 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 02/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chỉnh lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 31, địa chỉ phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 103,3 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110041271 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 23/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chỉnh lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 300 m² và quyền sở hữu nhà ở 102,24m².

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.014/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 22 tháng 10 năm 2020: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số X046240 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 24/05/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chỉnh lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 160 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110040735 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 10/04/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chỉnh lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 365, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: 44/6, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 179,34 m² và quyền sở hữu nhà ở 180,91m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T959935 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 18/09/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chỉnh lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 99-1 và 99-2, tờ bản đồ số 22, địa chỉ 407 đường 23/8,

phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 1.600 m² (đất ở 300 m² và đất lập vườn 1.300 m²).

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.002/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Anh – TGD đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 189, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 190, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m² theo HĐTC số 86005000.002/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019.

+ Toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển của Bên thế chấp đối với các bên thứ 3 có nghĩa vụ thanh toán với bên thế chấp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 86005000.011/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020.

+ Hàng hóa thế chấp là Hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 86005000.012/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020, cụ thể hàng tồn kho tại các kho: Kho Bách hóa Nguyễn Du, Kho Bách hóa Phường 2 (CH), Kho Bách hóa Phường 3 (CH), Kho Bách hóa Phường 8 (CH), Kho Điện máy Cà Mau 1 (lẻ), Kho Nông ngư cơ Cà Mau, Kho thực phẩm Cà Mau (CH), Kho xăng dầu Cái Nai, Kho xăng dầu phường 4 (CH), Tổng kho Định Bình.

+ Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 86005000.003/2022/HĐBĐ/NHCT860 ngày 31/3/2022 trị giá 1.404.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	206.542.626.606	1.961.891.097.087	(1.989.517.952.566)	178.915.771.127
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Cà Mau	89.996.952.139	1.175.208.846.892	(1.180.922.300.073)	110.832.221.286
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau	116.545.674.467	786.682.250.195	(808.595.652.493)	68.083.549.841
Cộng	206.542.626.606	1.961.891.097.087	(1.989.517.952.566)	178.915.771.127

21b. Vay quá hạn

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Tăng khác trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc ^a	-	802.819.479	1.384.903.800	(172.271.750)	(380.140.000)	1.635.311.529
Cộng	-	802.819.479	1.384.903.800	(172.271.750)	(380.140.000)	1.635.311.529

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận ^(*)	Chi quỹ trong năm	Hoàn nhập PP năm trước	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.487.497.204	700.000.000	(758.576.027)	-	2.428.921.177
Quỹ phúc lợi	2.220.471.082	780.074.548	(1.887.900.000)	-	1.112.645.630
Quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-
Cộng	4.707.968.286	1.480.074.548	(2.646.476.027)	-	3.541.566.807

^(*) Chi tiết Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lợi nhuận trong năm:

Chi tiết	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Quỹ khen thưởng	700.000.000	-	700.000.000
Quỹ phúc lợi	780.074.548	-	780.074.548
Cộng	1.480.074.848	-	1.480.074.848

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	30.962.296.792	26.557.826.326	8.179.763.346	250.475.194.209
Tăng trong năm trước	-	-	-	1.136.781.824	16.662.668.934	(1.861.923.451)	15.977.153.292
Tăng từ KQKD	-	-	-	-	16.662.668.934	(1.861.923.451)	14.840.371.468
Tăng do phân phối	-	-	-	1.136.781.824	-	-	1.136.781.824
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(21.497.776.936)	(112.890.624)	(21.610.667.560)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	32.099.078.616	21.762.344.309	6.204.949.271	244.841.679.941
Tăng trong năm	-	-	-	1.480.074.548	11.462.227.586	(1.484.512.744)	11.457.789.390
Tăng từ KQKD	-	-	-	-	11.462.227.586	(1.484.512.744)	9.977.714.842
Tăng do phân phối	-	-	-	1.480.074.548	-	-	1.480.074.548
Giảm trong năm	-	-	-	-	(10.222.496.296)	-	(10.222.496.296)
Số dư cuối năm	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	33.579.153.164	23.002.075.599	4.720.436.527	246.076.973.035

24b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Công ty TNHH TM và DV Long Hung	51,00%	92.594.940.000	51,00%	92.594.940.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16,17%	29.360.240.000	16,17%	29.360.240.000
Các cổ đông khác	32,83%	59.603.500.000	32,83%	59.603.500.000
Cộng	100,00%	181.558.680.000	100,00%	181.558.680.000

24c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	181.558.680.000	181.558.680.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	181.558.680.000	181.558.680.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.262.347.200	18.155.868.000

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 là 6%, tương đương 7.262.347.200 VND (tỷ lệ chia cổ tức năm trước là 10%, tương đương 18.155.868.000 VND).

24d. Cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.155.868	18.155.868
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu phổ thông	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu phổ thông	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

24e. Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 là 6%, tương đương 7.262.347.200 VND (tỷ lệ chia cổ tức năm trước là 10%, tương đương 18.155.868.000 VND).

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	(7.262.347.200)	(18.428.440.275)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	(7.262.347.200)	(18.428.440.275)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

24f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	21.762.344.309
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.462.227.586
Phân phối trong năm:	(10.222.496.296)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.480.074.548)
- Quỹ đầu tư phát triển	(1.480.074.548)
- Chia cổ tức năm 2023	(7.262.347.200)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	23.002.075.599

24g. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.204.949.271	8.179.763.346
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.484.512.744)	(1.861.923.451)
Giảm do chia cổ tức, trích quỹ	-	(224.270.000)
Hoàn nhập phân phối năm trước	-	111.379.376
Số cuối năm	4.720.436.527	6.204.949.271

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	13.903.479.328	-	13.977.979.328
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng bách hóa	3.312.083.721.307	3.083.751.417.915
Doanh thu bán xăng dầu	890.156.891.672	784.415.984.221
Doanh thu khác	406.879.033.941	392.605.503.213
Cộng	4.609.119.646.920	4.260.772.905.349

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	144.536.870	131.347.161
Cộng	144.536.870	131.347.161

3. Giá vốn bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng bách hóa	3.171.218.982.343	2.979.763.077.116
Giá vốn hàng bán xăng dầu	860.729.622.905	747.541.341.538
Giá vốn khác	388.130.859.509	362.661.289.644
Cộng	4.420.079.464.757	4.089.965.708.298

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	1.445.960.747	1.690.168.063
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	722.260.933	660.371.988
Lãi bán hàng trả chậm	212.197.000	212.307.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.000.000	15.192.000
Cộng	2.440.418.680	2.578.039.051

5. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	9.861.494.442	10.009.021.693
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(703.272.500)	158.595.500
Chi phí tài chính khác	140.716.500	146.370.232
Cộng	9.298.938.442	10.313.987.425

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	106.962.869.844	88.506.792.596
Chi phí vật liệu, bao bì	5.448.883	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.730.586.983	2.048.886.111
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.312.328.372	6.655.087.301
Chi phí mua ngoài	32.224.518.471	30.538.775.240
Chi phí khác bằng tiền	15.064.649.015	8.461.492.134
Cộng	164.300.401.568	136.211.033.382

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	11.331.495.707	106.962.869.844
Chi phí vật liệu quản lý	131.765.104	5.448.883
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.256.077	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	63.472.517	116.940.780
Thuế, phí, lệ phí	1.060.682.864	1.601.008.043
Chi phí dự phòng	(114.113.593)	(446.958.042)
Chi phí mua ngoài	2.577.062.167	3.124.411.934
Chi phí khác bằng tiền	2.265.513.510	8.269.540.162
Cộng	17.352.134.353	24.930.393.422

8. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản thường, hỗ trợ	13.884.573.944	18.513.903.675
Thu từ thanh lý tài sản	285.454.545	-
Thu từ các khoản nợ đã xóa	74.500.000	80.000.000
Thu nhập khác	2.301.800	66.215.000
Cộng	14.246.830.289	18.660.118.675

9. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt hành chính	3.905.164	33.612.020
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	247.949.692
Chi phí khác	102.092.823	3
Cộng	105.997.987	281.561.715

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.525.421.912	20.177.031.672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>4.745.873.051</i>	<i>5.581.861.723</i>
Chi phí không được trừ khi xác định TN chịu thuế	1.216.634.883	70.612.020
Tiền thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	444.000.000	420.500.000
Chi phí lãi vay không được trừ (*)	3.024.941.025	2.913.243.583
DP trợ cấp thôi việc	56.391.979	2.150.613.400
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>2.991.708.119</i>	<i>3.260.274.069</i>
Cổ tức được chia	(60.000.000)	(15.192.000)
Hoàn trợ cấp thôi việc do đã chi ra	(172.271.750)	(39.769.600)
Lỗ của Công ty con không tính thuế	3.223.979.869	3.315.235.669
Thu nhập chịu thuế	22.263.003.082	28.992.274.744
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.452.600.616	5.798.454.949
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.452.600.616	5.798.454.949

(*) Là chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a, khoản 3, điều 16 của Nghị định 132/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020.

11. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(11.278.396)	(422.168.760)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	106.384.850	-
Cộng	95.106.454	(422.168.760)

12. Lãi trên cổ phiếu

12a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.462.227.586	16.662.668.934
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>(1.146.222.759)</i>	<i>(1.480.074.548)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.316.004.827	15.182.594.386
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.155.868	18.155.868
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	568	836

(*) Tập đoàn tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2024 (tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 10%). Các khoản tạm trích này sẽ được điều chỉnh lại theo số trích thực tế khi có Nghị Quyết chính thức của Đại hội cổ đông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.155.868	18.155.868
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
...	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.155.868	18.155.868

12b. **Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.316.004.827	15.182.594.386
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.316.004.827	15.182.594.386
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.155.868	18.155.868
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	568	836

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.155.868	18.155.868
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.155.868	18.155.868

13. **Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	121.232.475.831	104.993.625.163
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.431.282.791	7.178.533.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.450.461.024	8.050.296.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.637.005.380	53.708.189.706
Chi phí khác bằng tiền	17.942.858.313	17.796.738.194
Cộng	207.694.083.339	191.727.383.285

VII. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)**

1. **Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Tập đoàn không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. **Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tập đoàn không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. **Thu tiền từ đi vay**

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.21).

4. **Tiền trả nợ gốc vay**

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.21).

VIII. **THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)**

1. **Tài sản tiềm tàng**

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Nợ tiềm tàng**

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. **Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.636.363.636	2.119.545.455
Trên 1 năm đến 5 năm	5.609.090.910	7.036.363.636
Trên 5 năm	-	-
Cộng	7.245.454.546	9.155.909.091

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 14.151.517 VND (năm trước là 0 VND).

4. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Nguyễn Hữu Long – TGD</i>		
- Tạm ứng	-	100.000.000
- Hoàn ứng	-	(100.000.000)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.205.982.706	2.091.576.501
Thù lao	564.000.000	585.000.000
Tiền thưởng	92.807.260	-
Cổ tức	337.392.500	920.210.000
Khác	38.000.000	-
Cộng	3.238.182.466	3.596.786.501

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Chi tiết:	Năm nay	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Khác	Cộng
<i>Hội đồng quản trị</i>								
Nguyễn Tuấn Quỳnh		Chủ tịch HĐQT	-	444.000.000	-	246.019.220	-	690.019.220
Nguyễn Thị Việt Anh		Thành viên HĐQT	-	84.000.000	-	-	-	84.000.000
Nguyễn Thị Hiền		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	246.019.220	-	306.019.220
Nguyễn Văn Khánh		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	-	60.000.000
Hoàng Anh Dũng		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	-	60.000.000
Nguyễn Văn Cảnh		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	-	60.000.000
Nguyễn Hoàng Bảo Long		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	-	60.000.000
<i>Ban Kiểm soát</i>								
Nguyễn Anh Tuấn		Trưởng BKS	-	120.000.000	-	41.800.000	-	161.800.000
Trần Chí Hiếu		Thành viên BKS	-	48.000.000	-	-	-	48.000.000
Ngô Thế Anh		Thành viên BKS	-	36.000.000	-	41.800.000	-	77.800.000
<i>Ban Điều hành</i>								
Nguyễn Hữu Long		Tổng Giám đốc	2.205.982.706	-	92.807.260	49.573.280	38.000.000	2.386.363.246
Phù Chí Anh		Phó Tổng Giám đốc	738.350.000	-	28.970.000	-	-	767.320.000
Trần Thị Trúc Linh		Phó Tổng Giám đốc	458.837.617	-	19.914.000	38.000.000	-	516.751.617
Nguyễn Hoàng Hà My		Phó Tổng Giám đốc	473.347.162	-	19.914.000	11.573.280	-	504.834.442
Nguyễn Thủy Ái		Kế toán trưởng	319.333.500	-	14.935.500	-	24.000.000	358.269.000
Cộng			1.649.666.261	564.000.000	92.807.260	337.392.500	38.000.000	3.238.182.466

Năm trước	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
Hội đồng quản trị		331.331.664	428.000.000	-	654.809.000	1.434.140.664
Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	-	-	84.000.000
Nguyễn Thị Việt Anh	Thành viên HĐQT	331.331.664	69.000.000	-	654.809.000	1.075.140.664
Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên HĐQT	-	35.000.000	-	-	35.000.000
Ban Kiểm soát		-	126.000.000	-	110.000.000	236.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	-	28.000.000	-	-	28.000.000
Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	42.000.000	-	110.000.000	152.000.000
Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	20.000.000	-	-	20.000.000
Ban Điều hành		1.760.244.837	31.000.000	-	155.401.000	1.946.645.837
Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám đốc	353.490.638	-	-	-	353.490.638
Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc	471.881.521	31.000.000	-	124.945.000	627.826.521
Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	469.648.223	-	-	30.456.000	500.104.223
Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám đốc	278.849.985	-	-	-	278.849.985
Nguyễn Thủy Ái	Kế toán trưởng	186.374.470	-	-	-	163.118.230
Cộng		2.091.576.501	585.000.000		920.210.000	3.596.786.501

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt
- Và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	865.950.149.319	761.315.296.611
Trả tiền mua hàng	(865.950.149.319)	(774.755.706.460)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. Chi phí vốn hoá

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

6. Báo cáo theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau

6a. Theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động xăng dầu	Hoạt động bách hóa	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	890.156.891.672	3.312.083.721.307	406.734.497.071	4.608.975.110.050
Giá vốn hàng bán	860.729.622.905	3.171.218.982.343	388.130.859.509	4.420.079.464.757
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.427.268.767	140.864.738.964	18.603.637.562	188.895.645.293
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	784.415.984.221	3.083.751.417.915	392.474.156.052	4.260.641.558.188
Giá vốn hàng bán	747.541.341.538	2.979.781.227.116	362.643.139.644	4.089.965.708.298
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.874.642.683	103.988.340.799	29.812.866.408	170.675.849.890

6b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Tập đoàn toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

- Tập đoàn cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 1.404.000.000 VND để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.2a, V.21).
- Tập đoàn thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh mục V.3, V.21).
- Tập đoàn thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.11 và V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 17.911.646.188 VND (số đầu năm là 17.922.438.052 VND).
- Tập đoàn thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.8, V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 96.544.259.001 VND (số đầu năm là 76.872.701.807 VND).
- Tập đoàn thế chấp tài sản cố định hữu hình là căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 để đảm bảo cho khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.10, V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 116.111.102 VND (số đầu năm là 179.444.438 VND).

- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình (Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.9, V.21).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

8. Thông tin về hoạt động liên tục


Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.


Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu




LIÊU HÀ MY

Kế toán trưởng



NGUYỄN THÚY ÁI

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HỮU LONG

Cà Mau, ngày 09 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 -72 Đường Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Số điện thoại: (0290) 3 822 772 - 3 839 220 - Số fax: (0290) 3 834 358

Website: www.tncm.com.vn